CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 67/TB-CT	*DakLak, ngày 14 tháng 3 năm 2021*

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX)

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – MIỀN TRUNG
- Mã chứng khoán: SMB
- Địa chỉ: 01 Nguyễn Văn Linh, P. Tân An, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak
- Điện thoại liên hệ: 0262.3877519 Fax: 0262.3877455
- Người thực hiện công bố thông tin: VŨ TUẤN ANH

  Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng.
- Loại thông tin công bố:

☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☑ Định kỳ

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung trân trọng công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: www.biasaigonmt.com

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật vềnội dung các thông tin đã công bố.

**** Tài liệu đính kèm:***
Báo cáo thường niên năm 2020

Đại diện tổ chức
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Vũ Tuấn Anh

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG
Ký ngày: 14/3/2021 09:19:58

2020

BIA SAIGON
SAIGON-MIENTRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

SABECO

https://biasaigonmt.com

smb@biasaigonmt.com

0262 3877519

01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An,
TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

01

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
Định hướng phát triển
Các yếu tố rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

02

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình đầu tư thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

03

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Ban điều hành và Kế toán trưởng
Những thay đổi nhân sự
Nhân sự và chính sách lao động

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

04

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Cải tiến về cơ cấu tổ chức chính sách quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban điều hành với ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Điều hành
Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

06

Mục tiêu phát triển bền vững
Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội

QUẢN TRỊ CÔNG TY

07

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

08

Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Kết quả hoạt động kinh doanh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh báo cáo tài chính

THÔNG ĐIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BIA SAIGON®
SAIGON-MIENTRUNG

Kính gửi Quý cổ đông, Quý khách hàng, các đơn vị đối tác

Được thành lập vào ngày 26/09/2008, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung hoạt động trong lĩnh vực đồ uống với đa dạng các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; địa bàn hoạt động chủ yếu ở khu vực Miền Trung Tây Nguyên - Việt Nam. Đội ngũ cán bộ của Công ty không ngừng nghiên cứu phát triển đa dạng sản phẩm, luôn tự hào là doanh nghiệp uy tín, nhận được sự tin tưởng từ nhiều đối tác, sự ủng hộ của Quý khách hàng gần xa.

Năm 2020 đại dịch COVID-19 bùng phát đã tác động đến mọi mặt nền kinh tế trong và ngoài nước. Tăng trưởng của nhiều quốc gia, khu vực đều ở mức âm; đầu tư và thương mại suy giảm; thực hiện "giãn cách xã hội" người lao động mất việc làm, tỷ lệ thất nghiệp tăng cao. Ở nước ta sau giai đoạn giãn cách, đại dịch COVID-19 cơ bản được kiểm soát, các hoạt động kinh tế bắt đầu khởi động trở lại. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam là bộ phận không thể tách rời của nền kinh tế toàn cầu, trong khi nhiều nước, khu vực trên thế giới vẫn đang cố gắng kiểm soát tình hình đại dịch, nên khó khăn và rủi ro cho nền kinh tế và các doanh nghiệp trong nước vẫn còn lớn.

Mặt khác thời tiết khí hậu diễn biến hết sức phức tạp, thiên tai bão lũ, sạt lở đất ở Miền Trung và hạn hán xâm nhập mặn ở đồng bằng Sông Cửu Long; đã tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, dẫn đến nhu cầu tiêu dùng hàng hóa trên thị trường thấp, nhất là các mặt hàng không thiết yếu như bia, rượu.

Ngoài ra Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ 01/01/2020, đặt ra các quy định chặt chẽ hơn đối với tiếp thị và quảng bá bia, rượu cũng như áp dụng các hình phạt nặng hơn khi tham gia điều khiển phương tiện giao thông dưới ảnh hưởng của bia rượu với bất kỳ nồng độ cồn nào trong máu và hơi thở dẫn đến tình hình tiêu thụ bia, rượu trên thị trường gặp nhiều khó khăn, sản lượng giảm đã ảnh hưởng đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bia, rượu.

Trước những khó khăn trên, nên ngay từ đầu năm 2020 được sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, của Tổng Công ty; cùng với sự nỗ lực của Ban điều hành và tập thể cán bộ quản lý và người lao động toàn Công ty với tinh thần quyết tâm cao; ngoài việc phối hợp với các đơn vị Thương mại khu vực đẩy mạnh tiêu thụ bia Sài Gòn, toàn Công ty tập trung đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ bia tự doanh nên góp phần đưa sản lượng bia tự doanh đạt mức khá để bù đắp cho sản lượng bia Sài Gòn thiếu hụt so với cùng kỳ do biến động thị trường, đã góp phần hoàn thành cơ bản các chi tiêu chủ yếu trong năm 2020.

Chúng tôi tin rằng, với sự lãnh đạo sáng suốt từ Ban điều hành và sự dẫn dắt của Hội đồng quản trị cùng với các chiến lược kinh doanh của những cán bộ nhân viên giàu kinh nghiệm sẽ giúp cho SMB vượt qua những thử thách phía trước và tiếp tục phát triển vững chắc tạo ra nhiều giá trị cho Quý Cổ đông, Quý đối tác và khách hàng của Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ từ Quý Cổ đông, Quý đối tác và khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã đồng hành cùng Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung cho đến ngày hôm nay.

Trân trọng!

Chủ tịch HĐQT

Lâm Du An

01

THÔNG TIN CHUNG

9 Thông tin khái quát

11 Quá trình hình thành và phát triển

13 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

15 Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

17 Định hướng phát triển

19 Các yếu tố rủi ro

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Tên công ty:
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Tên giao dịch:
SAI GON – MIEN TRUNG BEER JOINT STOCK COMPANY

Giấy CNĐKDN số:
4100739909 (số cũ 3503000233) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 26/09/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 16/05/2017.

Vốn điều lệ:
298.466.480.000 VNĐ (Tính đến ngày 31/12/2020)

Vốn chủ sở hữu:
495.238.276.891 VNĐ (Tính đến ngày 31/12/2020)

Địa chỉ:
Số 01 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Số điện thoại: 0262 3877 519

Số fax: 0262 3877 455

Website: www.biasaigonmt.com.vn

Email: sgmt.bia@gmail.com

Tên viết tắt: SMB

Mã cổ phiếu: SMB

Logo Công ty: BIA SAIGON SAIGON-MIENTRUNG

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

26/09/2008

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung được thành lập trên cơ sở hợp nhất ba Công ty theo chủ trương Đại hội đồng cổ đông của ba công ty: CTCP Bia Sài Gòn - Quy Nhơn, CTCP Bia Sài Gòn - Phú Yên và CTCP Bia Sài Gòn - Đắk Lắk, được kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ của các công ty hợp nhất.

01/10/2008

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung chính thức đi vào hoạt động.

06/09/2009

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung nâng công suất Nhà máy Bia Sài Gòn - Đắk Lắk từ 25 lên 70 triệu lít/ năm.

09/07/2010

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán lần đầu số 162/2010/GCNCP-VSD.

09/07/2010

Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung trên sàn UPCoM với mã cổ phiếu SMB.

06/08/2019

Sabeco họp báo ra mắt thương hiệu Bia Sài Gòn, đánh dấu bước ngoặc thay đổi nhận diện thương hiệu đối với bao bì mới trên các sản phẩm của toàn hệ thống nói chung và Bia Sài Gòn - Miền Trung nói riêng

27/06/2018

Công ty được chấp thuận niêm yết 29.846.648 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và chính thức giao dịch phiêu đầu tiên vào ngày 03/08/2018.

20/09/2017

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung thành lập công ty con đầu tiên của mình là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn hoạt động với ngành nghề chính là buôn bán đồ uống.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất rượu	1101
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước giải khát	1104
3	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá Chi tiết: Sản xuất thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm	2825
4	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Mua bán các loại bia, rượu, nước giải khát	4633
5	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp thực phẩm	4659
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, kho bãi, cho thuê văn phòng	6810
7	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư	4100
8	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc, thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm	8560
9	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng	5610
11	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch	7912
12	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia Chi tiết: Sản xuất các loại bia	**1103** **(Chính)**
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Cho thuê xe có động cơ	7710

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh Bia Sài Gòn của Công ty chủ yếu diễn ra tại Tỉnh Đắk Lắk, Quy Nhơn & Phú Yên. Ngoài ra, các sản phẩm tự doanh như Bia Quy Nhơn, Bia tươi… được tiêu thụ tại các tỉnh Gia lai, Kom Tum, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Phước, Đồng Nai.

Nhà máy bia Sài Gòn Phú Yên

Nhà máy bia Sài Gòn Quy Nhơn

Nhà máy bia Sài Gòn Đắk Lắk

Công ty TNHH TM Bia Quy Nhơn

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

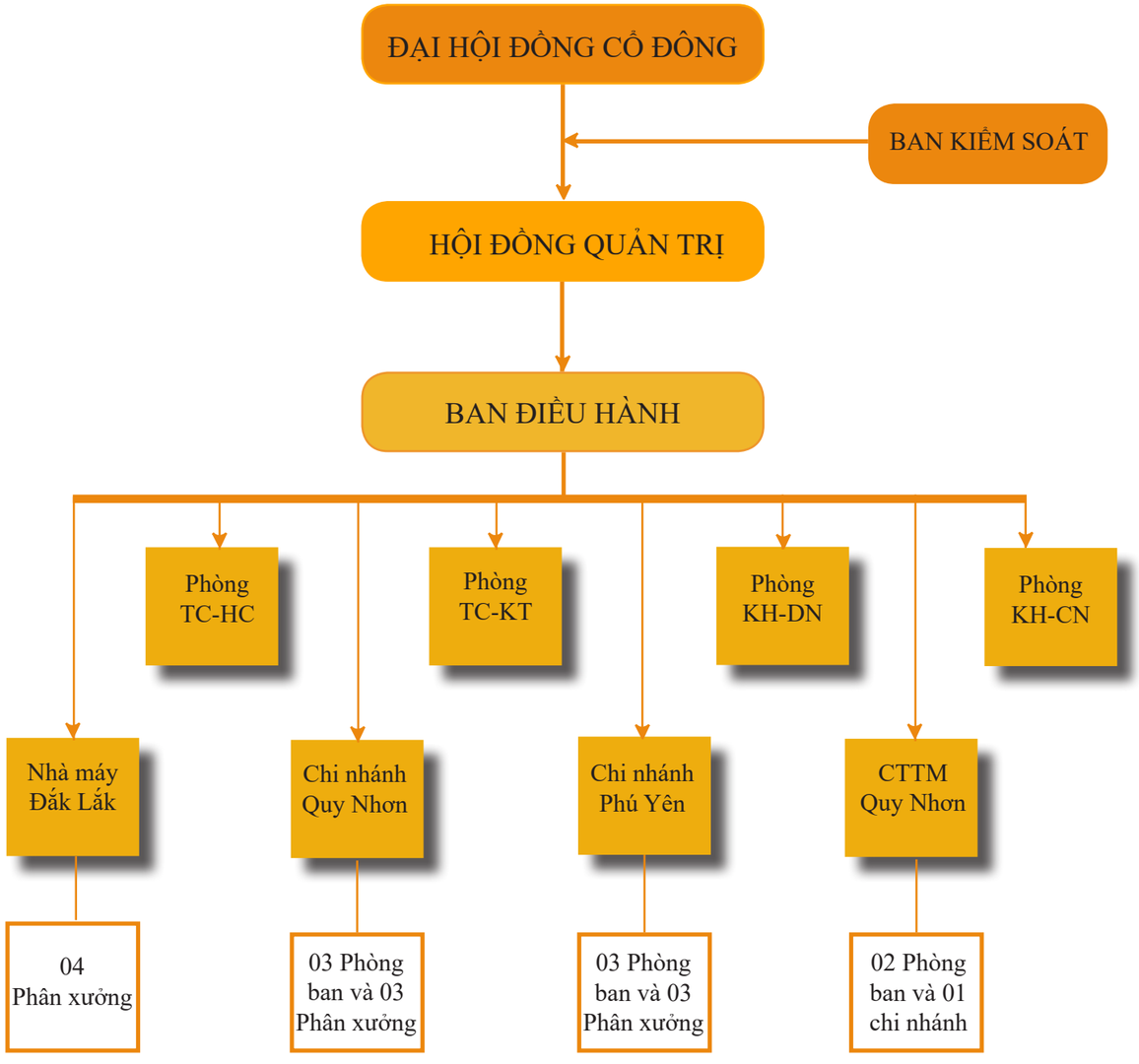

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Điều hành;
- Khối chuyên môn nghiệp vụ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung có cơ cấu tổ chức như sau:

Trụ sở chính Công ty: Số 01 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, Tp.Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk).

Chi nhánh Công ty:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn (Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phú Tài, Khu vực 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định).

Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên (Địa chỉ: Số 265 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên).

Công ty con:

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại – Dịch vụ Bia Quy Nhơn (Địa chỉ: Văn phòng Chi nhánh Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Quy Nhơn, Khu Công nghiệp Phú Tài, Khu vực 5, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định).

Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (Địa chỉ: Số 396 Hùng Vương, Phường 7, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên).

MỤC TIÊU CÔNG TY

Công ty hoạt động với mục tiêu phát triển ngành đồ uống Việt Nam ngang tầm thế giới, không ngừng hoàn thiện, đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, cung cấp đồ uống chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng.

Công ty luôn sẵn sàng hợp tác với các đơn vị, tổ chức cá nhân trong và ngoài nước trên tinh thần bình đẳng, cùng có lợi vì sự phát triển của các bên.

Hoạt động sản xuất của Công ty đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông, duy trì và giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố hông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.

Phát triển Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Công ty góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty luôn bám sát định hướng chiến lược phát triển do SABECO đề ra cũng như các đề án quy hoạch phát triển ngành của Bộ Công thương để có những kế hoạch kinh doanh phù hợp. Trong thời gian tới, sau khi khai thác hết công suất hiện tại của các nhà máy, Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới nước giải khát. Bên cạnh đó, Công ty sẽ thực hiện sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng. Năm 2020 vừa qua, SMB đã hoàn thành lắp hệ thống điện mặt trời đưa vào sử dụng hiệu quả tại 3 nhà máy nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm chi phí sản xuất góp phần gia tăng lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Với mục tiêu hoạt động là phát triển Công ty luôn gắn liền tinh thần trách nhiệm với môi trường, xã hội, quan tâm đến lợi ích cộng đồng. SMB luôn ý thức được vai trò và nghĩa vụ của mình, sau đây là các mục tiêu cụ thể của công ty đối với môi trường và xã hội:

Đối với môi trường:

Công ty tổ chức tốt việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về Luật bảo vệ môi trường, cụ thể: 100% nước thải được xử lý theo quy định, đặc biệt chất thải nguy hại Công ty luôn chú ý thu gom và xử lý có hệ thống, đúng quy trình kỹ thuật. SMB không bị xử phạt vì vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Đối với xã hội và cộng đồng:

Hàng năm Công ty đều dành nguồn kinh phí đáng kể để thực hiện công tác xã hội, từ thiện và cộng đồng như: đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, quỹ nạn nhân chất độc da cam, xây dựng nhà tình nghĩa, ủng hộ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương, ...

Đối với vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm:

Công ty thực hiện tốt các qui định của cơ quan chức năng về an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã xây dựng và duy trì Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008, 01 Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và 01 Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.

RỦI RO KINH TẾ

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2020 dù suy giảm mạnh về tăng trưởng và hầu hết các chỉ tiêu kinh tế, song Việt Nam là quốc gia nằm trong số hiếm hoi các nước vẫn giữ được mức tăng trưởng GDP dương 2,91% (quý 1 tăng 3,68%; quý 2 tăng 0,39%; quý 3 tăng 2,69%; quý 4 tăng 4,48%); nền kinh tế dần phục hồi sau dịch COVID-19.

Các mặt hàng chủ yếu của doanh nghiệp là các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát. Doanh số của những mặt hàng này phụ thuộc phần lớn vào nhu cầu của người tiêu dùng. Trong khi đó, nửa đầu năm 2020 là khoảng thời gian khó khăn với các doanh nghiệp ngành rượu bia, khi phải đối mặt với ảnh hưởng nặng nề từ dịch COVID-19, sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Công ty đều giảm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ hàng loạt chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân các Tỉnh, Thành phố về việc tất cả các hoạt động tập trung đông người như karaoke, quán bar, hàng quán vỉa hè,… phải đóng cửa nên hầu hết doanh thu từ những hoạt động này đều bị sụt giảm mạnh.

Ban lãnh đạo Công ty luôn cập nhật thông tin về tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước, nhằm đưa ra những giải pháp kịp thời ứng phó với những khó khăn trước mặt và đề xuất những chiến lược lâu dài cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh nên hoạt động của Công ty chịu nhiều tác động từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán; các Nghị định, thông tư liên quan về hoạt động công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán,... Ngoài ra, SMB còn chịu sự chi phối bởi các văn bản luật chuyên ngành có liên quan.

Điểm mới trong năm 2020 là Nghị định 100 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 quy định về mức phạt đối với hành vi uống rượu, bia khi lái xe. Ngoài ra, Nghị định 24/2020/NĐ-CP từ ngày 24/02/2020 quy định chi tiết một số điều về luật phòng chống tác hại rượu bia. Những Nghị định trên đã gây ra ảnh hưởng lớn đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh rượu bia.

Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với rượu trên 20 độ và bia là 65% kể từ năm 2018 đến nay (tăng 5% so với năm 2017). Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp trong ngành về lợi nhuận, nếu mức thuế suất tiếp tục tăng trong tương lai. Công ty luôn chú trọng đến công tác giám sát các hoạt động, cập nhật thông tin kịp thời để đưa ra các biện pháp phòng ngừa rủi ro, đưa ra các phương án giải quyết phù hợp, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Công nghệ sản xuất bia là một trong những ngành công nghiệp đòi hỏi các doanh nghiệp có phương pháp xử lý nước thải sản xuất bia hiệu quả. Đặc tính nước thải sản xuất bia có chứa hàm lượng chất hữu cơ cao ở trạng thái hòa tan và lơ lửng như CO2, SO2, COD, BOD5,… đồng thời chứa nhiều chất dinh dưỡng làm gia tăng số lượng vi khuẩn. Chất thải không được xử lý đạt chuẩn mà thải ra môi trường sẽ ảnh hưởng lớn đến môi trường đất , nước, không khí; tác động xấu đến sức khỏe của nhân viên và người dân quanh khu vực. Vấn đề này được Công ty chú trọng đầu tư với hệ thống sản xuất và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật, tuân thủ công tác bảo vệ và thân thiện với môi trường.

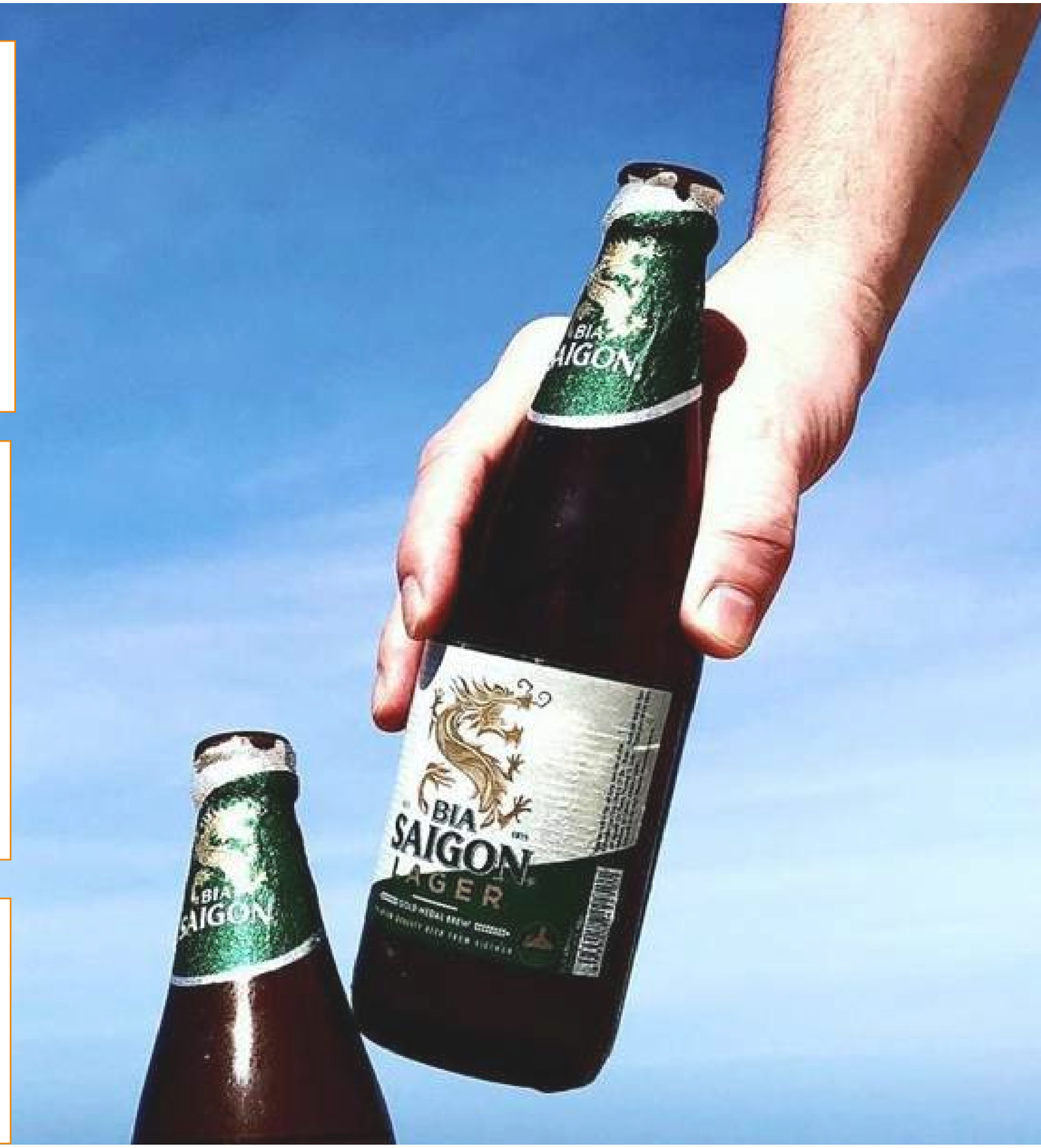

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ HOẠT ĐỘNG

Hoạt động sản xuất chính của Công ty là sản xuất bia với các nguyên liệu như: malt bia, gạo, hoa houblon. Hiện tại, ở Việt Nam chưa trồng được malt bia do đặc điểm khí hậu không thuận lợi, phần lớn nguyên liệu đều được nhập khẩu từ nước ngoài chiếm phần lớn cơ cấu giá vốn của doanh nghiệp. Do yếu tố mùa vụ của nguyên liệu đầu vào, sản lượng nguyên liệu có thể ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, giá vỏ lon nhôm cũng gây ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của SMB.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của SMB phụ thuộc vào kế hoạch và chiến lược của Tổng Công ty Sabeco. Sự thay đổi tỷ giá của thị trường, giá thành và chính sách nhập khẩu của Sabeco sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách phân phối nguyên liệu cho các Công ty thành viên điển hình là SMB. Bên cạnh đó, với chính sách giao sản lượng hợp tác sản xuất giữa SMB và Sabeco cũng ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng thay đổi sẽ ảnh hưởng tới chính sách hợp tác, sản xuất, kế hoạch hoàn thành thành phẩm giữa Công ty và Sabeco. Thời hạn sử dụng của bia, rượu ngắn chỉ từ 6-12 tháng nên việc nhập kho thành phẩm và lưu kho với số lượng hợp lý, đảm bảo chất lượng bia đến tới tay người tiêu dùng. Để hạn chế ảnh hưởng từ những rủi ro này, công ty luôn cập nhật tin tức thị trường, theo dõi biến động tỷ giá, từ đó xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp, đưa ra các biện pháp giải quyết kịp thời.

RỦI RO CẠNH TRANH

Thị trường ngành bia rượu Việt Nam hiện nay đang có sự cạnh tranh gay gắt với hàng loạt thương hiệu chiếm thị phần lớn trong nước như Heineken, Habeco và Bia Huế,… Ngoài ra còn phải đối mặt với các thương hiệu lớn đang lấn sân sang thị trường Việt Nam như Budweiser, Corona Extra, Skol,…Những sản phẩm này đã có những chỗ đứng nhất định trên thị trường quốc tế, lợi thế về thương hiệu, danh tiếng, chất lượng. Thu nhập của người tiêu dùng càng được cải thiện thì nhu cầu càng hướng đến những sản phẩm có chất lượng, nguồn gốc và thương hiệu nổi tiếng. Ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng đến việc cập nhật các công nghệ trong kỹ thuật sản xuất, đầu tư, nghiên cứu đưa ra các sản phẩm có chất lượng tốt đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng mà vẫn có mức giá phải chăng. Tiến hành mở rộng thị phần, phạm vi các kênh phân phối, các chính sách ưu đãi cho các đại lý, siêu thị, cửa hàng bán lẻ,… trên toàn quốc.

RỦI RO KHÁC

Các nhà máy của SMB nằm trong trung tâm các thành phố lớn, vị trí thuận lợi cho việc nhập nguyên liệu, sản xuất kinh doanh, vận chuyển hàng hóa và thành phẩm; ít bị ảnh hưởng từ thiên tai gây ra như mưa bão, lũ lụt, hỏa hoạn,… Tuy nhiên trong năm 2020, rủi ro khó lường làm ảnh hưởng lớn đến Công ty là sự bùng phát của dịch COVID-19 và các chỉ thị của Chính phủ về cách ly xã hội gây thiệt hại nặng nề đến hoạt động sản xuất và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

25 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

27 Tình hình đầu tư thực hiện dự án

29 Tình hình tài chính

31 Cơ cấu cổ đông,
thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	%TH/ KH2020	%TH 2020/2019
Tổng doanh thu	1.525.737.516.960	1.036.470.000.000	1.207.164.990.860	116,47%	79,12%
Lợi nhuận trước thuế	259.094.097.612	105.500.000.000	199.235.429.337	188,85%	76,90%
LNTT/Tổng doanh thu	16,98%	10,18%	16,50%	-	-
LNTT/VĐL	86,81%	35,35%	66,75%	-	-

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được đề ra vào tháng 5/2020. Nhìn chung tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy SMB đã hoàn thành vượt kế hoạch đề ra, mặc dù so với năm trước có phần sụt giảm đáng kể. Nguyên nhân từ sự sụt giảm này là do sự bùng phát của đại dịch COVID – 19 diễn biến phức tạp, kéo dài và vấn đề lớn phải đối mặt trong năm 2020 của các doanh nghiệp ngành bia, rượu sau một năm ban hành Nghị định 100/2019/NĐ-CP. Ngoài ra, Công ty còn chịu chi phối bởi Luật Quảng cáo, Nghị định 24 với các quy định khắt khe hơn về đến vấn đề marketing đã tác động đến chiến lược quảng bá của Công ty

Mặc dù gặp không ít khó khăn nhưng với sự nỗ lực và những chỉ đạo sáng suốt từ Ban lãnh đạo đã giúp Công ty đạt được mục tiêu đề ra. Tổng doanh thu năm 2020 vượt 16,47% so với kế hoạch đề ra và giảm khoảng 20% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế tăng 88,85% so với kế hoạch đạt 199,235 tỷ đồng.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê tình hình tăng trưởng của nền kinh tế quý 3 và quý 4 năm 2020 đã có phần cải thiện hơn so với thời gian trước đó nên tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng dần phục hồi và lấy lại vị thế sau khủng hoảng. Để hoàn thành được kế hoạch đề ra trong năm, Ban điều hành của Công ty đã có những phương án, chiến lược rõ ràng và luôn theo dõi sát sao các yếu tố quan trọng có thể gây ảnh hưởng tới quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác quản lý nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, mua sắm công cụ dụng cụ; công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được Công ty thực hiện theo đúng quy trình và quy định đề ra nhằm đảm bảo đem đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng và gia tăng giá trị của thương hiệu sản phẩm của SMB.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2020	% Tăng giảm
Tổng tài sản	797.474.783.543	804.069.684.410	0,83%
Doanh thu thuần	1.542.673.925.675	1.207.149.097.678	-21,75%
Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	354.936.571.484	311.259.962.828	-12,31%
Lợi nhuận khác	20.236.664.467	6.336.067.212	-68,69%
Lợi nhuận trước thuế	259.094.097.612	199.235.429.337	-23,10%
Lợi nhuận sau thuế	207.043.200.667	158.813.094.601	-23,29%

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Năm 2019 Công ty tiếp tục thực hiện các dự án, hạng mục đầu tư từ năm 2018 chuyển sang và triển khai thực hiện các dự án, hạng mục đầu tư năm 2019 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

+ Đắk Lắk:

- Đầu tư xây dựng nhà kho thành phẩm 5.250 m2.
- Đầu tư hệ thống lạnh phân tầng.
- Đầu tư hệ thống khai thác nước ngầm tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Đắk Lắk.

+ Quy Nhơn:

- Đầu tư hệ thống thu hồi CO2 300kg/h kết hợp Stripping.
- Đầu tư hệ thống lò hơi tầng sôi 10 tấn/h.

+ Phú Yên:

- Đầu tư hệ thống lò hơi tầng sôi 10 tấn/h.

Việc hoàn thành các dự án đầu tư sẽ góp phần quan trọng giúp giữ vững chất lượng sản phẩm và đáp ứng yêu cầu sản xuất ngày càng cao đối với Công ty

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,90	1,17
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,26	0,56
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	40,81%	38,41%
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	68,95%	62,36%
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,26	4,87
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,84	1,51
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
Hệ số LNST/ DTT	%	13,76%	13,16%
Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	43,86%	32,07%
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	25,96%	19,75%
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ DTT	%	17,34%	18,10%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

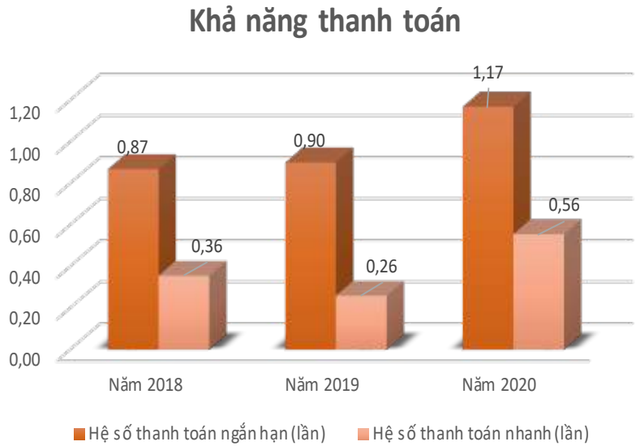

Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty trong năm 2020 tăng so với năm trước từ 0,9 lên 1,17 lần, chỉ số được cải thiện nhờ vào nợ ngắn hạn của Công ty đã giảm khoảng 6% so với mức tăng hơn 20% của tài sản ngắn hạn. Trong đó nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự giảm đi của nợ ngắn hạn do trong năm Công ty đã tất toán một phần các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,26 lên đến 0,56 vào năm 2020, ngoài sự thay đổi của nợ và tài sản ngắn hạn, sự biến động của hệ số thanh toán nhanh còn do hàng tồn kho cuối năm giảm gần 10% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân của sự sụt giảm này đến từ SMB đã chủ động giảm lượng hàng thành phẩm tồn kho do Công ty dự đoán nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của Công ty sẽ bị biến động trước ảnh hưởng của đại dịch COVID-19. Như vậy, cho đến thời điểm hiện nay dù Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

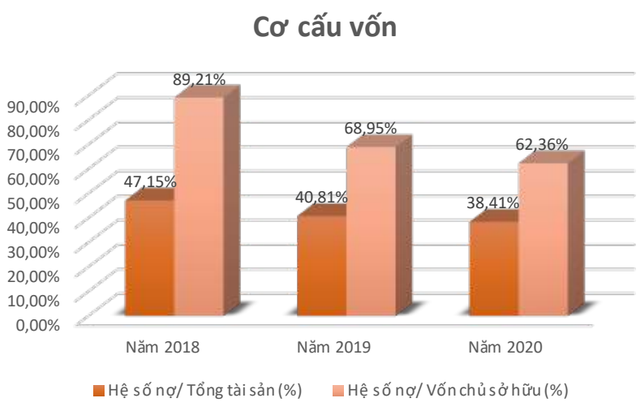

Năm 2020, chỉ tiêu nợ trên tổng tài sản đạt mức 38,41% và nợ trên vốn chủ sở hữu đạt 62,36%, cơ cấu vốn của Công ty dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng nợ phải trả trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Cụ thể trong năm qua Công ty trả bớt nợ vay dài hạn đến hạn, đây là khoản nợ trước đó đã vay tài trợ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tài sản. Bên cạnh đó, tổng tài sản Công ty tăng lên nguyên nhân chủ yếu do tiền mặt và các khoản phải trả trước cho người bán ngắn hạn tăng mạnh từ 5,50 tỷ đồng lên 21,72 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu năm 2020 của Công ty đã gia tăng so với năm trước lên mức 495 tỷ đồng, trong đó khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay có sự tăng trưởng tốt. Kết quả này đạt được nhờ vào các yếu tố chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được Công ty kiểm soát tốt. Mặc dù các chỉ số trên có giảm hơn so với năm 2019, nhưng Công ty vẫn duy trì được sự an toàn tài chính với chuyển biến về cơ cấu vốn đã được phân tích phù hợp với tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển và mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho các cổ đông.

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

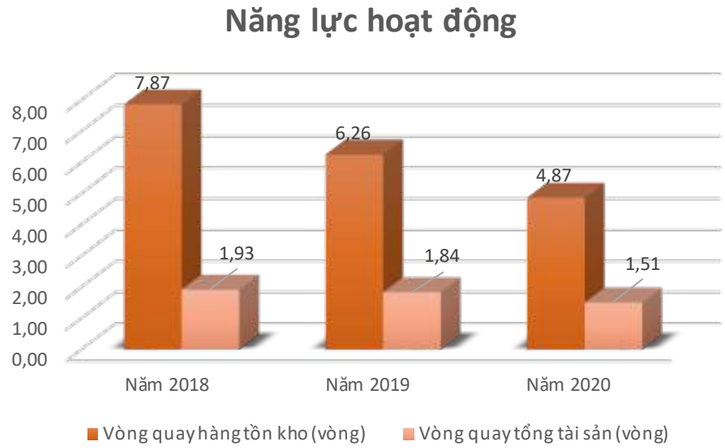

Các chỉ tiêu đánh giá năng lực hoạt động của Công ty trong năm có sự thay đổi so với năm 2019 cụ thể là vòng quay hàng tồn kho đã giảm từ 6,26 vòng xuống còn 4,87 vòng; vòng quay tổng tài sản cũng giảm từ 1,84 vòng còn 1,51 vòng.

Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi này do sản lượng tiêu thụ cùng với lượng hàng tồn kho đều giảm so với năm 2019. Vào thời điểm cuối năm 2020, giá trị thành phẩm của SMB giảm 20 tỷ đồng trong khi đầu năm giá trị khoản này hơn 40 tỷ đồng.

Doanh thu thuần có xu hướng giảm nhẹ do ảnh hưởng từ dịch COVID – 19 đã làm cho vòng quay hàng tồn kho chậm lại, nhưng lượng hàng tồn kho giảm cũng giúp Công ty hạn chế được rủi ro trong chu kỳ sản xuất kinh doanh.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

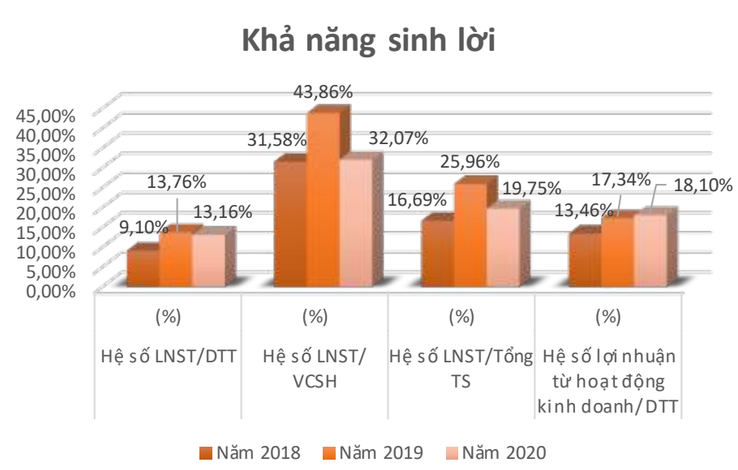

Nhìn chung các hệ số về khả năng sinh lời của SMB trong năm 2020 đều giảm. Trong đó, doanh thu thuần giảm hơn 20% kéo theo lợi nhuận sau thuế cũng giảm từ 207,043 tỷ xuống còn 158,81 tỷ đồng. Khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 khi phải đối diện với những ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID – 19. Tuy nhiên Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra điển hình là hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần có phần cải thiện khi từ 17,34% tăng lên 18,10%.

Hoạt động kinh doanh của SMB luôn đi đôi với việc mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho các cổ đông, điều này luôn đúng với định hướng phát triển của Công ty trong suốt thời gian qua.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ : 298.466.480.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 29.846.648 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông : 29.846.648 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 29.846.648 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**1.922**	25.082.858	84,04
	Tổ chức	21	16.411.506	54,99
	Cá nhân	1.901	8.671.352	29,05
2	**Cổ đông nước ngoài**	**85**	4.043.942	13,55
	Tổ chức	14	1.306.833	4,38
	Cá nhân	71	2.737.109	9,17
3	**Cổ đông nhà nước**	1	719.848	2,41
	Tổng cộng	2.008	29.846.648	100,00

STT	Tên cổ đông	Số ĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	0300583659	187 Nguyễn Chí Thanh, Phường 12, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh	9.617.363	32,22%
2	Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt	0305376818	68 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh	3.745.550	12,54%
3	Công ty TNHH MTV xổ số Kiến thiết Phú Yên	4400116969	204 Trần Hưng Đạo, Phường 4, TP Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	1602940	5,37%
4	Capital Shine Limited	CA3453	9 North Buona Vista Drive # 12-01 The Metropolis Tower 1, Singapore, 138588	1587271	5,32%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Năm 2020, Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

03

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

35 Hội đồng quản trị

41 Ban kiểm soát

45 Ban điều hành và kế toán trưởng

51 Nhân sự và chính sách đối với người lao động

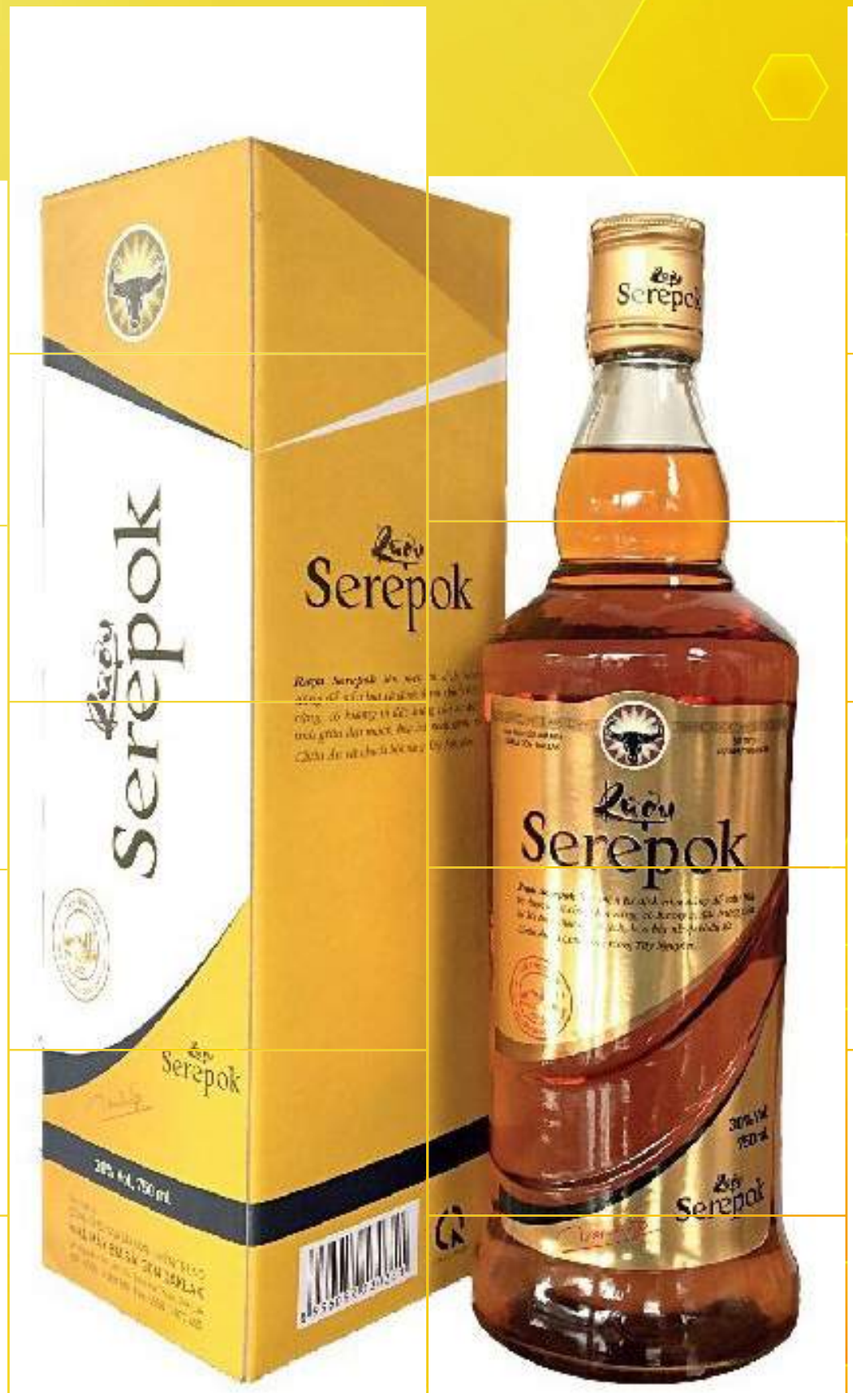

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lâm Du An	Chủ tịch HĐQT
2	Huỳnh Văn Dũng	Thành viên HĐQT
3	Phạm Văn Phong	Thành viên HĐQT độc lập
4	Nguyễn Thị Phước	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT không điều hành

ÔNG LÂM DU AN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 05/01/1967

Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn; Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội

Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không

Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu cho Tổng CTCP Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn: 3.647.363 cổ phần - tỷ lệ 12,22% VĐL

Khen thưởng: Không

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

Quá trình công tác:

- **Từ 10/1989 đến 06/1990** : Kỹ sư Nhà máy Thuốc lá Bến Thành
- **Từ 06/1990 đến 10/1991** : Kỹ sư Nhà máy Nước đá Hàm Tử
- **Từ 10/1991 đến 10/2004** : Kỹ sư, Tổ trưởng, bảo trì Công ty bia Sài Gòn
- **Từ 10/2004 đến 04/2006** : Phó Quản đốc Xưởng Bảo trì - TCT Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- **Từ 04/2006 đến 05/2007** : Trưởng Ban Quản lý dự án Bia Sài Gòn Bạc Liêu
- **Từ 05/2007 đến 10/2012** **: T**rưởng Ban Quản lý dự án Bia Sài Gòn Vĩnh Long
- **Từ 10/2012 đến 06/2016** : Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn Vĩnh Long
- **Từ 06/2016 đến 10/2017** : Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh thuộc TCT CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- **Từ 10/2017 đến nay** : Phó Tổng Giám đốc SABECO kiêm Giám đốc Nhà máy Bia Sài Gòn Nguyễn Chí Thanh

ÔNG HUỲNH VĂN DŨNG

Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm TGĐ

Ngày tháng năm sinh: 30/01/1962

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: : Kỹ sư Hóa thực phẩm, Cử nhân Tiếng Anh

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
Uỷ viên HĐQT CTCP In –Thương mại Phú Yên
Ủy viên HĐQT Công ty CPTM Bia Sài Gòn - Tây Nguyên

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 347.305 cổ phiếu – 1,16% VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu cho Tổng CTCP Bia - Rượu – Nước giải khát Sài Gòn: 2.984.905 cổ phần - tỷ lệ 10,0% VĐL

Khen thưởng: Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương lao động hạng 3

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

Quá trình công tác:

- **Từ 04/1989 đến 08/1992** : Trưởng phòng Kiểm nghiệm hàng hóa XNK Inexim Đắk Lắk
- **Từ 08/1992 đến 12/1995** : Phó trưởng Xưởng Chế biến – Kho vận Inexim Đắk Lắk
- **Từ 12/1995 đến 02/2005** : Phó Giám đốc Inexim Đắk Lắk
- **Từ 02/2005 đến 09/2008** : Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
- **Từ 10/2008 đến 11/2013** : Giám đốc Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Đắk Lắk
- **Từ 05/2013 đến nay** : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- **Từ 12/2013 đến nay** : Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

ÔNG PHẠM VĂN PHONG

Thành viên HĐQT độc lập

Ngày tháng năm sinh: 07/10/1962

Nơi sinh: Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: : Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 257.940 cổ phiếu – 0,68% VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu: Không

Khen thưởng: Không

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

Quá trình công tác:

- **Từ năm 1993 đến 1996** **:** Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp Khu vực Krong Buk Đắk Lắk
- **Từ năm 10/1996 đến 10/2002** : Phó Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam CN. Đắk Lắk
- **Từ 2002 đến 2017** : Giám đốc Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam CN. Đắk Lắk
- **Từ 06/2017 đến nay** : Phó Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực Sacombank

BÀ NGUYỄN THỊ PHƯỚC

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 25/04/1959

Nơi sinh: Khánh Hòa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Tổng giám đốc Công ty CPTM Địa ốc Việt

Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không

Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu của CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt: 3.745.550 CP, tỷ lệ 12,54% VĐL

Khen thưởng: Không

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

Quá trình công tác:

- **Từ 1996 đến 2006** : Chủ tịch HĐTV CT TNHH Đầu tư-Thương mại-Du lịch Hiệp Phúc
- **Từ 2007 đến nay** : Tổng Giám đốc Công ty CPTM Địa ốc Việt
- **Từ 2013 đến nay** : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

BÀ NGUYỄN THỊ THÙY LINH

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày tháng năm sinh: 07/06/1968

Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
Phó Ban KH-TH Tổng Công ty CP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 741 CP, tỷ lệ 0,00 % VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu của Tổng CTCP Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn: 2.984.905 CP, chiếm 10,00% VĐL

Khen thưởng: Không

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

Quá trình công tác:

- **Từ 10/1998 đến 05/2003** : Kế toán tài sản cố định Cty Bia Sài Gòn
- **Từ 06/2003 đến 2006** : Kế toán tiêu thụ, Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- **Từ 2006 đến 2008** : Phó phòng kế toán Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- **Từ 2008 đến 06/2012** : Phó phòng tài chính Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- **Từ 06/2012 đến 02/2016** : Phó Ban tài chính Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn
- **Từ 04/2017 đến nay** : Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- **Từ 03/2016 đến nay** : Phó Ban Kế hoạch tổng hợp Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban kiểm soát
2	Bùi Quang Đáng	Thành viên
3	Trịnh Văn Thảo	Thành viên

ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

Trưởng ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 08/02/1971

Nơi sinh: Đà Nẵng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay: Trưởng ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- **Từ năm 1996 đến 2003**: Kế toán trưởng Công ty TNHH ĐT-TM-DL Hiệp Phúc
- **Từ năm 2004 đến 2009**: Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH ĐT-TM-DL Hiệp Phúc tại Quảng Nam (Trạm thu phí Tam Kỳ)
- **Từ năm 2010 đến 04/2016**: Phó Tổng giám đốc CTCP Thương Mại Địa Ốc Việt (Vietcomreal)
- **Từ tháng 05/2016 đến nay**: Trưởng Ban kiểm soát CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung

Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không

Số cổ phần đại diện sở hữu: Không

Khen thưởng: Không

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

ÔNG BÙI QUANG ĐÁNG

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1965

Nơi sinh: Phú Yên

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH 1 TV Xổ số kiến thiết Phú Yên

Quá trình công tác:

- **Từ năm 1986 đến 1991**
- **Từ 08/1993 đến 2012**
- **Từ 2012 đến 10/2016**
- **Từ 11/2016 đến nay**
- **Từ 04/2017 đến nay**

Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không

Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Phú Yên: 1.602.940 CP, tỷ lệ 5,37% VĐL

Khen thưởng: Không

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

: Công tác tại Công ty Thương nghiệp Sông Cầu, Phú Yên

: Kế toán trưởng Công ty xổ số kiến thiết Phú Yên

: Phó giám đốc xổ số kiến thiết Phú Yên

: Chủ tịch Công ty TNHH 1 TV xổ số kiến thiết Phú Yên

: Thành viên BKS CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung

ÔNG TRỊNH VĂN THẢO

Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 02/02/1973

Nơi sinh: Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: : Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên Phòng Kiểm soát nội bộ Tổng CTCP Bia-Rượu-NGK Sài Gòn

Quá trình công tác:

- **Từ năm 1996 đến năm 2001:**
- **Từ năm 2001 đến năm 2006:**
- **Từ năm 2006 đến năm 2008:**
- **Từ năm 2008 đến năm 2010:**
- **Từ 05/2011 đến 10/2017:**
- **Từ 05/2013 đến nay:**

Số cổ phần cá nhân sở hữu: Không

Số cổ phần đại diện sở hữu: Không

Khen thưởng: Không

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

: Trợ lý Kế toán-Phòng TC-KT Tổng công ty Xây Dựng Trường Sơn Bộ Quốc Phòng.

: Kế toán tổng hợp-Phòng TC-KT Công ty Du Lịch-Dịch vụ và Thương mại TOSECO- Bộ Quốc Phòng

: Kế toán trưởng- Công ty Du Lịch Phương Nam- Bộ Quốc Phòng

: Kế toán trưởng- Trung tâm Thương Mại- Dịch Vụ Phương Nam- Bộ Quốc Phòng

: Chuyên viên Kiểm toán nội bộ-Phòng KTNB Tổng công ty Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn(SABECO)

: Thành viên BKS CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG (Tiếp theo)

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Huỳnh Văn Dũng	Tổng Giám đốc
2	Vũ Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
3	Võ Thành Điền	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Hoàng Long	Giám đốc Chi nhánh Quy Nhơn
5	Đặng Sanh Định	Giám đốc Chi nhánh Phú Yên

Sơ yếu lý lịch Ông Huỳnh Văn Dũng vui lòng xem thông tin tại mục Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị

ÔNG VŨ TUẤN ANH

Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 13/08/1971

Nơi sinh: Buôn Ma Thuột

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Kiểm soát viên CT TNHH MTV Thương mại-Dịch vụ bia Quy Nhơn

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 38.367 CP, tỷ lệ 0,12% VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu: Không

Khen thưởng: Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

Quá trình công tác:

- **Từ 10/1994 đến 02/2005:** Kế toán, Kế toán tổng hợp Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
- **Từ 02/2005 đến 03/2007:** Phụ trách Kế toán CTCP Bia Sài Gòn Đắk Lắk
- **Từ 04/2007 đến 10/2008:** Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn Đắk Lắk
- **Từ 10/2008 đến 31/12/2013:** Kế toán trưởng CN CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Đắk Lắk
- **Từ 01/01/2014 đến 12/2017:** GĐ Tài chính kiêm Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- **Từ 12/2017 đến nay:** P.Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

ÔNG VÕ THÀNH ĐIỀN

Phó Tổng Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 12/04/1966

Nơi sinh: Khánh Hòa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 35.843 CP, tỷ lệ 0,12%VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu: Không

Khen thưởng: Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

Quá trình công tác:

- **Từ 06/1993 đến 07/1994:** : Phó Phòng Đầu tư và Công nợ, Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
- **Từ 07/1994 đến 06/2002:** : Giám đốc Chi nhánh Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk tại Huyện Krông Năng, KrongBuk, Chư Sê
- **Từ 06/2002 đến 05/2007** : Phó phòng, Phụ trách phòng Kế hoạch Nghiệp vụ Công ty Đầu tư XNK Đắk Lắk
- **Từ 07/2007 đến 12/2007:** : Phụ trách Phòng Kinh doanh CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
- **Từ 01/2008 đến 09/2009:** : Trưởng Phòng KH-KD CTCP Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
- **Từ 10/2009 đến 12/2013:** : Trưởng Phòng KH-KD Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn Miền Trung tại Đắk Lắk
- **Từ 01/2014 đến 12/2017:** : Giám đốc kinh doanh kiêm Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung
- **Từ 12/2017 đến nay:** : Phó Tổng Giám đốc CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung

ÔNG NGUYỄN HOÀNG LONG

Giám đốc Chi nhánh Quy Nhơn

Ngày tháng năm sinh: 14/12/1962

Nơi sinh: Bình Định

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí, Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Chi Nhánh Quy Nhơn

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:
Giám đốc Công ty TNHH 1TV Thương mại-Dịch vụ bia Quy Nhơn

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 5.008 CP, tỷ lệ 0,01% VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu: Không

Khen thưởng: Không

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

Quá trình công tác:

- **Từ năm 1979** : Nhân viên Chi cục Kiểm lâm Nhân dân Nghĩa Bình
- **Từ 1979 đến 1981** : Quân nhân, đóng quân tại sân bay Đà Nẵng
- **Từ 1988 đến 1993** : Nhân viên Công ty XNK Nghĩa Bình
- **Từ 1996 đến 2014** : Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch-Kinh doanh, Phó Giám đốc Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn
- **Từ 2014 đến 10/2015** : Quyền Giám đốc, Giám đốc chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn
- **Từ 11/2015 đến nay** : Giám đốc, Giám đốc chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Quy Nhơn

ÔNG ĐẶNG SANH ĐỊNH

Giám Đốc Chi nhánh Phú Yên

Ngày tháng năm sinh: 02/01/1973

Nơi sinh: Phú Yên

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa thực phẩm

Chức vụ hiện nay: Giám đốc Chi nhánh Phú Yên

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần cá nhân sở hữu: 9.702 CP, tỷ lệ 0,03% VĐL

Số cổ phần đại diện sở hữu: Không

Khen thưởng: Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ

Các khoản nợ Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: Không

Thù lao và lợi ích khác: Theo quy định của Công ty

Quá trình công tác:

- **Từ 08/1997 đến 05/1998** : Nhân viên Kỹ thuật Công ty Mía đường Tuy Hòa
- **Từ 06/1998 đến 04/2005** : Trưởng P. Kỹ thuật – Công nghệ liên doanh Bia Sài Gòn – Phú Yên
- **Từ 05/2005 đến 09/2008** : Trưởng P. Kỹ thuật – Công nghệ CTCP Bia Sài Gòn – Phú Yên
- **Từ 10/2008 đến 10/2015** : Phó GĐ Chi nhánh CTCP Bia Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên
- **Từ 11/2015 đến 12/2016** : Quyền GĐ Chi nhánh CTCP Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên
- **Từ 01/2017 đến Nay** : Giám đốc Chi nhánh CTCP Sài Gòn – Miền Trung tại Phú Yên

NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	31/12/2020	Tỷ lệ(%)
I	**Theo trình độ**	**487**	**100**
1	Trên Đại học	6	1,23
2	Đại học, Cao đẳng	272	55,85
3	Trung cấp	113	23,20
4	Công nhân kỹ thuật	54	11,09
5	Lao động phổ thông	42	8,62
II	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**487**	**100,00**
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	416	85,42
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	71	14,58

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO, LƯƠNG THƯỞNG, CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI

Chế độ làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày; 06 ngày/tuần. Thời gian làm việc của các xưởng sản xuất trực tiếp được chia làm 03 ca. Đảm bảo quyền lợi cho cán bộ công nhân viên khi tham gia làm thêm giờ, tăng ca theo quy định của Bộ Luật Lao động và có những đãi ngộ thỏa đáng.

Nghỉ phép, lễ, Tết: Người lao động được nghỉ lễ và nghỉ Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, nếu làm dưới 12 tháng thì số ngày nghỉ phép được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc, người lao động được cộng thêm 01 ngày nghỉ phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Nhân viên sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật, được khám bệnh và điều trị tại các cơ sở y tế theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều kiện làm việc: Công ty đã tiến hành trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị, phương tiện bảo hộ lao động cho nhân viên.Văn phòng làm việc rộng rãi thoáng mát, nhà xưởng được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn, các nguyên tắc an toàn lao động được triển khai và tuân thủ nghiêm ngặt.

Chính sách tuyển dụng: Thường xuyên có chính sách tuyển dụng thu hút những nhân tài đến với Công ty, tổ chức những buổi tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhằm nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, tìm ra những nhân viên có năng lực, tâm huyết với Công ty.

Công tác đảm bảo an toàn lao động: Công ty thực hiện trang bị bảo hộ lao động đảm bảo yêu cầu cho từng vị trí công việc, số tiền mua trang bị bảo hộ và phụ cấp độc hại trong năm 2020 là 2.461 triệu đồng. Hệ thống máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn định kỳ đều được kiểm định theo quy định.

Đào tạo: Các chương trình bồi dưỡng, phát triển kỹ năng được Ban lãnh đạo tổ chức định kỳ:
Tùy thuộc vào từng đối tượng nhân viên nên yêu cầu từng nghiệp vụ sẽ khác nhau, cần có những kế hoạch tổ chức và đào tạo riêng. Hoạt động được tổ chức hàng năm giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn của nhân viên nhằm đảm bảo người lao động có đủ khả năng thực hiện công việc được giao.

Toàn bộ chi phí đào tạo, tập huấn được chi trả hoàn toàn bởi Công ty. Trường hợp người lao động có nhu cầu học thêm nhằm bổ sung thêm kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sẽ được ban lãnh đạo xem xét trên cơ sở phù hợp, không làm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất của Công ty. Khi người lao động được đồng ý cho đi học tập, đào tạo ngoài kế hoạch của Công ty thì toàn bộ chi phí trong thời gian học tập kể cả tiền lương do người lao động đảm nhận. Nếu sau khi học xong chất lượng học tập đạt kết quả, đáp ứng được nhu cầu công việc tại Công ty thì sẽ được xem xét hỗ trợ một phần kinh phí mà người lao động đã bỏ ra trong thời gian học tập hoặc bố trí công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Công tác chăm sóc sức khỏe: Công ty thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên nhằm phát hiện và điều trị từ đó có những chế độ chính sách hỗ trợ phù hợp.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi: Công ty quy định và thực hiện chính sách tiền lương, thưởng cho cá nhân, bộ phận nhằm mục đích khuyến khích người lao động hoàn thành tốt công việc theo chức danh và đóng góp quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông qua quy chế chi trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế được Công ty thực hiện theo đúng quy định hiện hành. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

04

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

53 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

63 Tình hình tài chính

65 Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

65 Kế hoạch phát triển trong tương lai

68 Giải trình của ban điều hành với ý kiến của kiểm toán

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình kinh tế toàn cầu năm 2020 vừa qua chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ dịch COVID – 19, trong giai đoạn nửa đầu năm với sự sụt giảm về các chỉ số tiêu dùng; các biện pháp hạn chế đi lại và giãn cách xã hội của Chính phủ đã khiến lưu lượng người qua lại tại các địa điểm là cửa hàng bán lẻ và trung tâm giải trí; cửa hàng tạp hóa giảm khoảng 40% so với mức trung bình trước dịch bệnh. Việc các cửa hàng bán lẻ các mặt hàng không thiết yếu và người dân bị hạn chế lưu thông đã gây ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ tới Công ty.

Đặc thù của ngành bia rượu phụ thuộc chủ yếu vào mức thu nhập của người dân Việt Nam. Dịch bệnh bùng phát cũng một phần làm thay đổi thói quen tiêu dùng của người dân khi xu hướng ăn uống tại các nhà hàng, quán ăn được thay bằng việc ăn tại nhà và sử dụng các nền tảng thương mại trực tuyến, những sự thay đổi này đã làm cho Công ty mất đi một lượng khách hàng đáng kể. Ngoài ra, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các mặt hàng bia rượu và các chi phí đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động vẫn ở mức cao.

Mặc dù năm 2020 là một năm đem đến nhiều khó khăn cho Công ty nhưng với những chính sách và chiến lược đúng đắn từ Ban lãnh đạo đã giúp cho SMB hoàn thành vượt kế hoạch đề ra. Như sau:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TRUNG

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Năm 2020		% Thực hiện so với kế hoạch	
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch 2020	Cuối kỳ 2019
I	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	215,68	166,02	184,88	111,36	85,72
1	Bia các loại						
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	135,69	88,5	88,71	100,24	65,38
	Bia chai SG Larger 450	Tr.lít	42,38	21,42	29,73	138,81	70,15
	Bia chai SG Larger 355	Tr.lít	17,9	23,73	10,33	43,55	57,73
	Bia chai SG Export 355	Tr.lít	3,14	5,35	0,77	14,42	24,59
	Bia lon SG Larger 330	Tr.lít	72,27	38	46,74	123,01	64,68
	Bia chai SG Chill 330	Tr.lít			0,32		
	Bia lon SG Chill 330	Tr.lít			0,81		
1.2	Bia tự doanh	Tr.lít	69,68	66,8	86,49	129,48	124,13
	Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	1,06	1,3	0,98	75,47	92,54
	Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	44,45	42	57,92	137,92	130,32
	Bia Tươi	Tr.lít	24,17	23,5	27,59	117,39	114,12
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	10,31	10,72	9,68	152,47	191,54
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1.542,67	1.036,47	1.207,15	114,05	76,63
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	259,09	105,50	199,23	178,36	72,62
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	1.415,83	946,82	1.093,94	115,54	77,26

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong đó:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Năm 2020		% Thực hiện so với kế hoạch	
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch 2020	Cuối kỳ 2019
Nhà máy Đắk Lắk							
I	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	109,71	72,22	86,68	120,02	79,01
1	Bia các loại						
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	91,83	53	61,2	115,48	66,65
	Bia chai SG Larger 450	Tr.lít	8,8	5,77	7,15	123,9	81,24
	Bia chai SG Larger 355	Tr.lít	9,94	9,22	6,17	66,92	62,03
	Bia chai SG Export 355	Tr.lít	0,82	0,02	0,02	100	1,86
	Bia lon SG Larger 330	Tr.lít	72,27	38	46,74	123,01	64,68
	Bia chai SG Chill 330	Tr.lít			0,32		
	Bia lon SG Chill 330	Tr.lít			0,81		
1.2	Bia tự doanh	Tr.lít	13,2	14	21,3	152,12	161,32
	Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	8,76	10	15,75	157,46	179,76
	Bia Tươi	Tr.lít	4,44	4	5,55	138,78	124,95
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	4,68	5,22	4,18	80,12	89,35
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	979,49	543,07	671,04	123,56	68,51
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	136,61	15,06	84,02	557,9	61,5
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	956,1	529,01	702,04	132,71	73,43

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Năm 2020		% Thực hiện so với kế hoạch	
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch 2020	Cuối kỳ 2019
Chi nhánh Quy Nhơn							
I	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	59,21	56,3	57,31	101,79	96,79
1	Bia các loại						
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	24,1	23,5	15,82	67,34	65,65
	Bia chai SG Larger 450	Tr.lít	17,68	11,04	12,6	114,14	71,23
	Bia chai SG Larger 355	Tr.lít	4,1	7,13	2,47	34,67	60,27
	Bia chai SG Export 355	Tr.lít	2,32	5,34	0,76	14,18	32,61
1.2	Bia tự doanh	Tr.lít	35,1	32,8	41,48	126,47	118,17
	Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	1,06	1,3	0,98	75,47	92,54
	Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	33,51	31	39,97	128,92	119,27
	Bia Tươi	Tr.lít	0,54	0,5	0,54	107,1	100,04
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	343,41	325,86	336,59	103,29	98,01
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	71,61	74	87,26	117,92	121,85
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	288,37	298	269,77	90,53	93,55

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Năm 2020		% Thực hiện so với kế hoạch	
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch 2020	Cuối kỳ 2019
Chi nhánh Phú Yên							
I	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	46,76	37,5	40,89	109,05	87,46
1	Bia các loại						
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	19,75	12	11,68	97,35	59,13
	Bia chai SG Larger 450	Tr.lít	15,9	4,61	9,99	216,42	62,82
	Bia chai SG Larger 355	Tr.lít	3,86	7,39	1,7	22,96	43,96
1.2	Bia tự doanh	Tr.lít	21,38	20	23,71	118,57	110,94
	Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	2,18	1	2,21	221,24	101,54
	Bia Tươi	Tr.lít	19,2	19	21,5	113,16	112
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	5,63	5,5	5,5	100,01	97,7
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	219,8	167,55	174,49	104,14	79,39
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	34,61	16,44	16,88	102,68	48,77
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	165,47	119,8	122,13	101,95	73,81

CÔNG TY TNHH MTV TM-DV BIA QUY NHƠN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Năm 2020		% Thực hiện so với kế hoạch	
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch 2020	Cuối kỳ 2019
Công ty thương mại							
I	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	70,87	68,3	86,44	126,56	121,98
1	Bia tự doanh	Tr.lít	65,24	62,8	80,94	128,89	124,07
	Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	1,06	1,3	0,98	75,47	92,54
	Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	44,45	42	57,92	137,92	130,32
	Bia Tươi	Tr.lít	19,74	19,5	22,04	113,01	111,68
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	5,63	5,5	5,5	100,01	97,7
II	Tổng doanh thu	Tỷ .đ	192,71		744,73		386,45
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	16,26	12	35,43	295,25	217,9
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	5,89		11,55		196,1

Trong đó:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Năm 2020		% Thực hiện so với kế hoạch	
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch 2020	Cuối kỳ 2019
Công ty thương mại Quy Nhơn							
I	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	46,04	43,8	59,44	135,71	129,1
1	Bia tự doanh	Tr.lít	46,04	43,8	59,44	135,71	129,1
	Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	1,06	1,3	0,98	75,47	92,54
	Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	44,45	42	57,92	137,92	130,32
	- MN Đắk Lắk	Tr.lít	8,76	10	15,75	157,46	179,76
	-CN Quy Nhơn	Tr.lít	33,51	31	39,97	128,92	119,27
	-CN Phú Yên	Tr.lít	2,18	1	2,21	221,24	101,54
	Bia Tươi	Tr.lít	0,54	0,5	0,54	107,1	100,04
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	192,71		625,94		324,81
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	16,26	12	21,08	175,67	129,64
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	5,89		10,44		177,25

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2019	Năm 2020		% Thực hiện so với kế hoạch	
				Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch 2020	Cuối kỳ 2019
Chi nhánh Công ty Thương mại Quy Nhơn tại Phú Yên							
I	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	24,83	24,5	(*)27,00	110,21	108,77
1	Bia tự doanh	Tr.lít	19,2	19	21,5	113,16	112
	Bia Tươi	Tr.lít	19,2	19	21,5	113,16	112
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	5,63	5,5	5,5	100,01	97,7
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ			118,79		
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ			14,36		
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ			1,11		

Ghi chú:

(*) Trong tổng sản lượng tiêu thụ CNTM Phú Yên đã tính sản lượng CN Phú Yên tiêu thụ trong quý I/2020: Bia tươi 3,63 tr.lít; Nước 1,18 tr.lít.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Tiến hành quản trị kết quả sản xuất kinh doanh, phân tích yếu tố chi phối theo từng tháng theo từng đơn vị trực thuộc, tham mưu các giải pháp kịp thời nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thường xuyên cân đối dòng tiền và xây dựng các giải pháp tài chính nhằm huy động vốn có hiệu quả, tìm nguồn vốn vay giá rẻ, đảm bảo giảm thiểu chi phí tài chính thông qua việc điều chuyển vốn giữa các đơn vị để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh, vận dụng linh hoạt dòng tiền bằng cách thực hiện song song việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất thấp (5,3% - 6,1%) để nộp tiền thuế và việc sử dụng tiền nhàn rỗi của Công ty và từ các Chi nhánh để gửi kỳ hạn với lãi suất đáng kể (3,4% - 7,15%) nhằm mang lại hiệu quả kinh tế (tăng doanh thu hoạt động tài chính, có thể bù đắp chi phí tài chính năm 2020). Nhờ vận dụng linh hoạt dòng tiền nên đã giảm được chi phí lãi vay so với với kế hoạch hơn 6 tỷ, doanh thu hoạt động tài chính trong năm đạt 3,15 tỷ.

CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH

Trước tình hình khó khăn như đã nói ở trên, nên ngay từ đầu năm 2020 ngoài việc phối hợp với các đơn vị Thương mại đẩy mạnh tiêu thụ bia Sài Gòn, toàn Công ty đã nỗ lực tập trung đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ bia tự doanh nên đã góp phần đưa sản lượng bia tự doanh tăng trưởng đạt mức khá, đặc biệt là bia Quy Nhơn; bia Tươi tại Phú Yên, Đắk Lắk.

Công ty đã chủ động mua trước một số vật tư, nguyên vật liệu chính với giá tốt và có tiên lượng dự trữ cho tồn kho nên có một số vật tư biến động tăng nhưng không ảnh hưởng lớn đến chi phí đầu vào.

Chủ động tìm kiếm và tổ chức chào hàng cạnh tranh chọn được nhà cung cấp vật tư, hóa chất dùng chung cho cả 3 nhà máy có giá cạnh tranh tốt như: NaOH, Termamyl, Keo dán nhãn, Daracla, Enzim ALDC; két vỏ chai, nắp, nhãn bia tự doanh … góp phần tiết giảm chi phí đầu vào đáng kể.

CÔNG TÁC SẢN XUẤT - QUẢN LÝ KỸ THUẬT

Tuân thủ theo quy định của Tổng Công ty, tất cả các lô bia xuất xưởng trong năm 2020 đều đạt yêu cầu kỹ thuật về các chỉ tiêu hóa lý, vi sinh và cảm quan.

Công tác bảo trì, kiểm định và hiệu chỉnh máy móc thiết bị được thực hiện thường xuyên, phần lớn các sự cố đều được khắc phục kịp thời.

Tiêu hao vật tư nguyên liệu: Đảm bảo định mức.

Công tác vệ sinh môi trường được quan tâm và thực hiện quyết liệt.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Trong năm 2020 Công ty thực hiện tiết giảm đầu tư, những dự án và chương trình chưa thật sự cần thiết thì chưa đầu tư. Chỉ đầu tư những hạng mục, công trình thật sự cấp thiết ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, ảnh hưởng đến môi trường theo quy định của nhà nước và các hạng mục tiết kiệm năng lượng nhằm mục đích nâng cao chất lượng sản phẩm nhưng giá thành giảm.

- Tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2020 như sau:
- Phê duyệt theo kế hoạch đầu năm 2020: 118.080.920.909 đồng
- Tổng kế hoạch đầu tư đã thực hiện đến 31/12/2020: 47.434.954.124 đồng
- Đã giải ngân đến 31/12/2020: 24.833.962.306 đồng

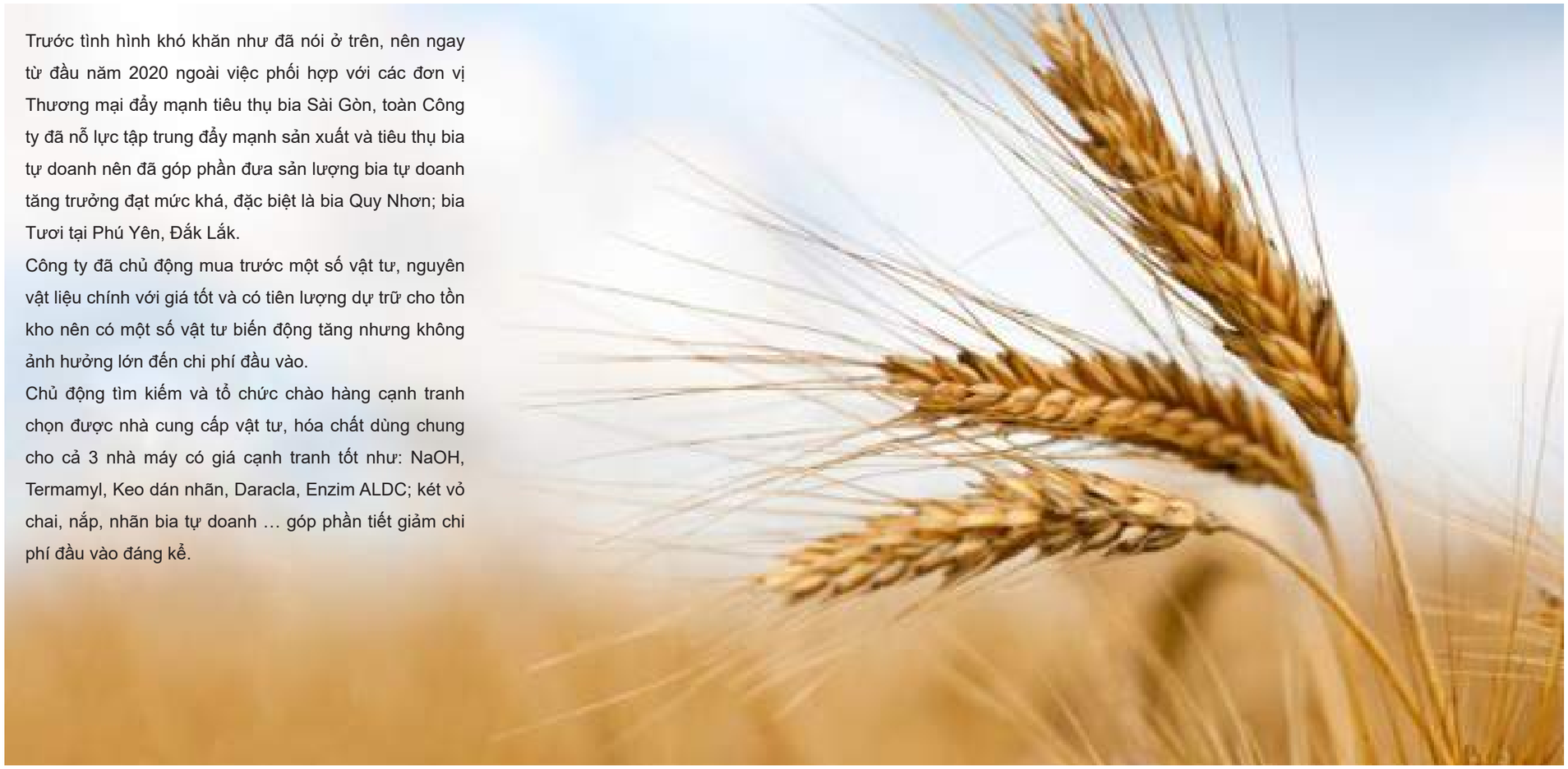

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CÔNG TÁC TIÊU THỤ

Tiêu thụ sản phẩm các loại năm 2020 đạt 184,88 triệu lít bằng 111,36% KH năm 2020 (166,02 triệu lít) và bằng 85,72% so với cuối kỳ 2019 (215,68 triệu lít). Trong đó:

Bia Sài Gòn: Tiêu thụ 88,71 Tr.lít bằng 100,24% kế hoạch 2020 (88,50 Tr.l) và bằng 65,38% so cuối kì 2019 (135,69 Tr.lít). Trong đó:

- Nhà máy Đắk Lắk : Tiêu thụ 61,20 Tr.lít bằng 115,48% kế hoạch 2020 và bằng 66,65% so cuối kì 2019.
- Nhà máy Quy Nhơn: Tiêu thụ 15,82 Tr.lít bằng 67,34% kế hoạch 2020 và bằng 65,65% so cuối kì 2019.
- Nhà máy Phú Yên : Tiêu thụ 11,68 Tr.lít bằng 97,35% kế hoạch 2020 và bằng 59,13% so cuối kì 2019

Nhận xét:

– Sản lượng tiêu thụ về tổng thể đạt và vượt kế hoạch đề ra (Nhà máy Đắk Lắk hoàn thành vượt kế hoạch bù đắp phần sản lượng Nhà máy Quy Nhơn đạt thấp), tuy nhiên so với cùng kỳ 2019 thì giảm.

– Các nhà máy của Công ty luôn bám sát chương trình S&OP (Lập kế hoạch bán hàng va hoạt động) của Tổng Công ty để sản xuất và giao hàng, đồng thời phối hợp với các đơn vị thương mại khu vực và vận tải để đẩy mạnh công tác tiêu thụ. Cụ thể:

– Tại thị trường Tây Nguyên: Công ty đã chủ động phối hợp và hỗ trợ Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên triển khai các chương trình kích hoạt bán hàng.

– Tại thị trường Quy Nhơn – Bình Định: Phối hợp cùng Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Miền Trung triển khai thực hiện ý kiến kết luận của Tổng giám đốc Sabeco tại cuộc họp với Lãnh đạo SMB ngày 20/7/2020, theo hướng: Bia Sài Gòn và bia Quy Nhơn phải cùng nhau phát triển, hạn chế tối đa sự cạnh tranh; tìm giải pháp để cùng nhau phát triển, hạn chế phát triển của bia đối thủ

Bia tự doanh: Tiêu thụ 86,49 Tr.lít bằng 129,48% Kế hoạch 2020 và bằng 124,13% so cuối kỳ 2019. Trong đó:

- Bia Lowen : Tiêu thụ 0,98 Tr.lít bằng 75,47% Kế hoạch 2020 và bằng 92,54% so cuối kỳ 2019.
- Bia Quy Nhơn: Tiêu thụ 57,92 Tr.lít bằng 137,92% Kế hoạch 2020 và bằng 130,32% so cuối kỳ 2019.
- Bia Tươi : Tiêu thụ 27,59 Tr.lít bằng 117,39% Kế hoạch 2020 và bằng 114,12% so cuối kỳ 2019.

Nhận xét:

– Bia Lowen: Sản lượng tiêu thụ vẫn còn thấp, còn nhiều khó khăn.

– Bia Quy Nhơn: Tiêu thụ khá, thị trường ngày càng phát triển, đặc biệt là thị trường nông thôn độ phủ ngày càng rộng, đây là sản phẩm có giá rất thấp đáp ứng nhu cầu của đa số người dân lao động địa phương. Công ty đã chủ động điều phối nhịp nhàng sản xuất bia Quy Nhơn tại các Nhà máy để đáp ứng đủ nhu cầu cho thị trường nhất là những tháng cao điểm.

– Bia tươi: Nhà máy Phú Yên và DakLak đạt khá và tăng trưởng so với cùng kỳ, được mở rộng thâm nhập ra thị trường ngoại tỉnh. Tiêu thụ bia tươi tại Quy Nhơn còn thấp.

Nhìn chung, tổng sản lượng bia tự doanh tiêu thụ vẫn ổn định và tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước, thị phần được giữ vững, nhất là bia Quy Nhơn và bia tươi tại Phú Yên đang phát triển tốt.

Nước uống đóng chai: Tiêu thụ được 9,61 triệu lít bằng 91,53% Kế hoạch 2020 và bằng 94,39% so cùng kỳ 2019. Trong đó:

- Nhà máy Đắk Lắk: Tiêu thụ 4,11 Tr.lít bằng 82,21% Kế hoạch 2020 và bằng 90,29% cùng kỳ 2019.
- Chi nhánh Phú Yên: Tiêu thụ 5,50 Tr.lít bằng 100,01% Kế hoạch 2020 vả bằng 97,70% cùng kỳ 2019.
- Sản lượng nước uống đóng chai Serepok của Nhà máy DakLak còn thấp, do kênh tiêu thụ trường học và hàng quán giảm mạnh bởi dịch COVID-19; nước uống Sapy của Nhà máy Phú Yên tiếp tục được thị trường chấp nhận, sản lượng ổn định.

Các sản phẩm khác:

- Sữa Bazan: Tiêu thụ được 65.845 lít, bằng 32,92% Kế hoạch 2020 và bằng 57,76% so cuối kỳ 2019.
- Rượu: Tiêu thụ được 5.603 lít, bằng 28,02% Kế hoạch 2020 và bằng 39,39% so cuối kỳ 2019.
- Sữa và rượu sản lượng tiêu thụ còn thấp.

Hoạt động cho thuê kho và cung cấp dịch vụ kho cho PepsiCo: Doanh thu dịch vụ thuê kho và cung cấp dịch vụ kho năm 2020 đạt 5,85 tỷ đồng, bằng 102,19 % so với Kế hoạch 2020 và bằng 103,44%) so với cùng kỳ 2019.

CÁC MẶT CÔNG TÁC KHÁC:

- Phong trào lao động sáng tạo, cải tiến, tiết kiệm năng lượng tại 03 nhà máy của Công ty tiếp tục được duy trì trong năm 2020, đặc biệt phong trào tiết kiệm điện, nước đã có bước cải thiện đáng kể.
- Hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Hệ thống Quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và Hệ thống Quản lý năng lượng ISO 5001:2018 tiếp tục được duy trì và cải tiến.
- Triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống và ngăn ngừa dịch COVID-19 theo tinh thần Chỉ thị số 15/CT-TTg của Thủ Tướng Chính Phủ.
- Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt được quan tâm và thực hiện thường xuyên.
- Chế độ chính sách và quyền lợi cho người lao động được thực hiện đầy đủ theo đúng quy định; Công tác tuyển dụng, đào tạo, xét nâng lương cho người lao động thực hiện kịp thời.
- Tham gia chương trình chạy tiếp sức “Lên cùng Việt Nam” do Tổng Công ty phát động dược đông đảo cán bộ công nhân viên và người lao động trong toàn Công ty hưởng ứng sôi nổi; qua đó đã quyên góp gây quỹ hỗ trợ người lao động Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19.
- Công tác an sinh xã hội tại địa phương luôn được chú trọng

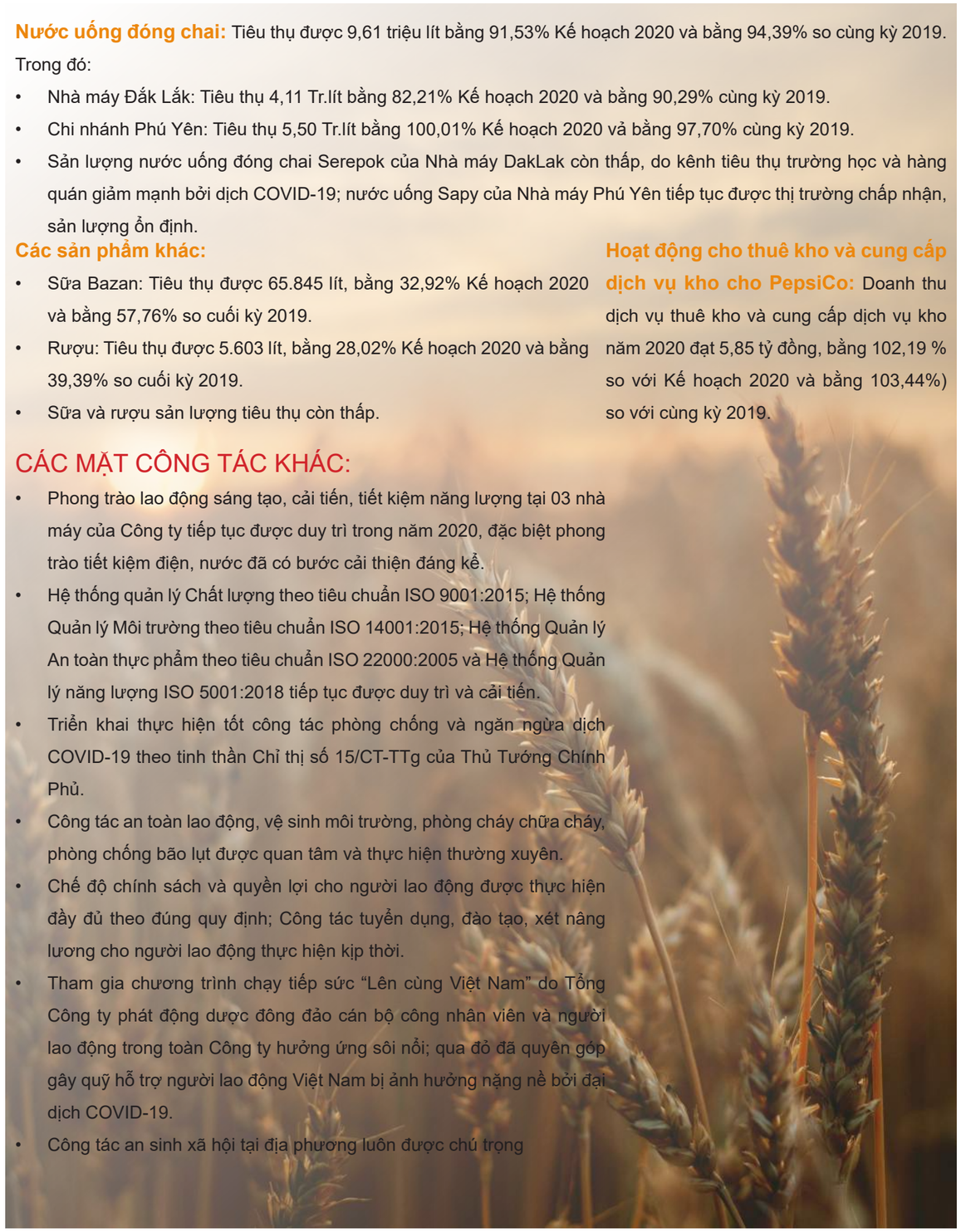

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	272.037.901.806	331.751.119.587	21,95%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	525.436.881.737	472.318.564.823	-10,11%
Tổng tài sản	Triệu đồng	797.474.783.543	804.069.684.410	0,83%

NĂM 2019

NĂM 2020

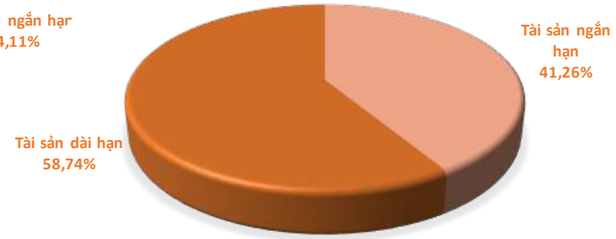

Trong năm 2020, Tổng tài sản của Công ty tăng nhẹ 0,83% so với năm trước, đạt mức 797,5 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu của thay đổi này là do sự tăng lên của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn trong kỳ lên đến 36,17 tỷ đồng cùng với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn của Công ty với số tiền lên đến 40 tỷ đồng. Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, và phải thu khác cũng có phần giảm nhẹ so với năm trước, cho thấy các giao dịch phát sinh hợp tác sản xuất và mua bán giữa Công ty với các đối tác đã giảm.

Tài sản dài hạn năm 2020 giảm nhẹ, khấu hao tài sản dài hạn trong năm chênh lệch so với năm trước lên đến gần 80 tỷ đồng, một phần do chi phí xây dựng cơ bản dở dang, trong đó chi phí xây dựng nhà máy và mua mới máy móc thiết bị đã giảm. Thêm vào đó, chi phí trả trước dài hạn như chi phí bao bì luân chuyển và chi phí cho công cụ dụng cụ lại tăng so với năm trước cũng là nguyên nhân cho sự biến động tài sản dài hạn.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng/ giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	301.982.357.624	283.781.245.355	-6,03%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	23.481.969.626	25.050.162.164	6,68%
Tổng nợ	**Triệu đồng**	**325.464.327.250**	**308.831.407.519**	**-5,11%**

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	%Tăng/ giảm
Tổng nợ	Triệu đồng	325.464.327.250	308.831.407.519	-5,11%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	472.010.456.293	495.238.276.891	4,92%
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	797.474.783.543	804.069.684.410	0,83%

Nợ phải trả của Công ty giảm 5,11% so với năm 2019 đạt 308,83 tỷ đồng, tỷ trọng lớn nhất vẫn là nợ ngắn hạn chiếm đến 90% tổng nợ. Trong đó, nợ ngắn hạn giảm nhẹ do các khoản phải trả người bán của Công ty giảm khoảng 10 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước; Chi phí phải trả ngắn hạn cũng giảm gần một nửa so với năm trước, do Công ty đã giảm được phí hao hụt vỏ chai nhà phân phối; Chi phí phải trả cho người lao động tăng lên cũng làm cho cơ cấu nợ ngắn hạn thay đổi đáng kể. Mặt khác, nợ dài hạn của Công ty trong năm 2020 lại tăng nhưng không đáng kể.

Nguồn vốn chủ sở hữu chiếm hơn 60% tổng nguồn vốn và đang ở mức 495,24 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu trong năm cũng có sự biến động nhẹ, tăng 4,92% so với năm trước do sự tăng lên của lợi nhuận sau thuế lũy kế từ năm trước.

NĂM 2019

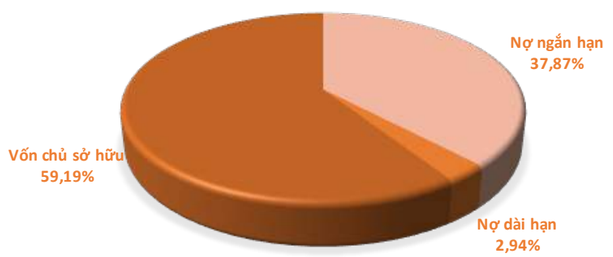

NĂM 2020

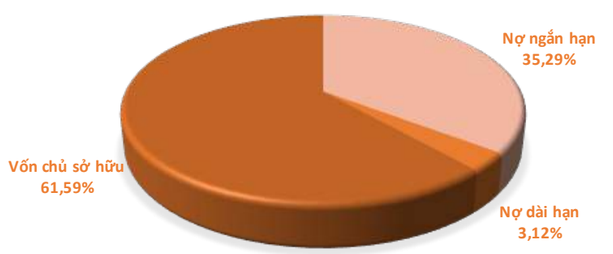

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Điều hành.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, ĐÀO TẠO, LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Có chính sách thu hút lao động giỏi, có kế hoạch quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ công nhân viên có năng lực, tâm huyết, gắn bó lâu dài với Công ty.
Tiếp tục bổ sung và hoàn chỉnh các văn bản pháp quy áp dụng toàn Công ty. Đẩy mạnh tăng cường việc nhận diện thương hiệu Công ty.

CÔNG TÁC SẢN XUẤT QUẢN LÝ KỸ THUẬT

- Chú trọng công tác quản lý kỹ thuật và quản lý chất lượng sản phẩm; tuân thủ nghiêm túc các quy định và hướng dẫn của SABECO về công tác nảy.
- Thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động sản xuất liên tục thông suốt, cung cấp đầy đủ và kịp thời hàng hóa cho Sabeco; đồng thời tận dụng công suất còn dư thừa sản xuất bia địa phương và các sản phẩm tự doanh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất ở tất cả các công đoạn theo đúng quy trình sản xuất đã ban hành, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của Sabeco.
- Mạnh dạn tận dụng công suất thừa để sản xuất - gia công bia xuất khẩu nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh (không ảnh hưởng đến công tác quản lý sản xuất, quản lý kỹ thuật Bia SG).
- Thực hiện tốt công tác điều phối sản xuất, vật tư, công cụ dụng cụ, nguồn nhân lực - vật lực tại các đơn vị trong toàn Công ty đảm bảo hiệu quả chung.
- Tiếp tục mở rộng và tìm kiếm các nhà cung cấp mới về vật tư, nguyên vật liệu, hóa chất với giá cả cạnh tranh nhất áp dụng cho cả 03 nhà máy nhằm tiết giảm chi phí đầu vào.
- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm trong sản xuất và công tác quản lý.

CÔNG TÁC TIÊU THỤ

Đối với sản phẩm Bia Sài Gòn:

- Chủ động phối hợp với các Phòng/Ban Tổng Công ty Sabeco kịp thời tháo gỡ khó khăn, ách tắc đẩy mạnh sản xuất - tiêu thụ Bia Sài Gòn tại 03 nhà máy của Công ty.
- Phối hợp cùng Công ty Thương mại vả các Thương mại khu vực thực hiện các chương trình quảng bá giới thiệu sản phẩm kích hoạt tiêu thụ Bia Sài Gòn.
- Chủ động tổ chức đón tiếp nhiều Đoàn khách đến tham quan nhà máy nhằm đẩy mạnh công tác giới thiệu quảng bá bia Sài Gòn đến mọi tầng lớp trong và ngoài tỉnh.
- Kết nối với các tổ chức kinh tế chính trị xã hội ở địa phương để quảng bá và kích thích tiêu dùng sản phẩm Bia Sài Gòn.
- Thường xuyên theo dõi bám sát, có chính sách hợp tác và phối hợp cùng với các đơn vị Thương mại - Vận tải bia Sài Gòn để công tác vận chuyển, giao nhận hàng được thuận lợi.

Đối với sản phẩm Bia tự doanh:

- Rà soát, đánh giá khả năng phát triển của từng loại sản phẩm để có chính sách đầu tư thích hợp và phù hợp với chủ trương Sabeco.
- Tập trung giữ vững thị phần hiện có và tiếp tục tìm kiếm, mở rộng thị trường và đẩy mạnh công tác tiêu thụ bằng các chính sách bán hàng linh hoạt.
- Xúc tiến kế hoạch gia công bia chai và bia lon xuất khẩu nhằm tận dụng công suất dư thừa của các nhà máy, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Mạnh dạn đầu tư đẩy mạnh sản xuất - tiêu thụ các sản phẩm tự doanh đang có hướng phát triển tốt (Bia Quy Nhon, bia tươi keg 2 lít/chai PET).
- Chủ động điều phối sản xuất bia Quy Nhơn tại 3 Nhà máy đề khai thác hợp lý công suất các nhà máy, đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ bia Quy Nhơn.
- Tiếp tục thực hiện ý kiến kết luận của Tổng giám đốc Sabeco: Bia Sài Gòn và Bia Quy Nhơn phải cùng nhau phát triển, hạn chế tối đa sự cạnh tranh; tìm giải pháp để cùng nhau phát triển, hạn chế phát triển của bia đối thủ.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- Thực hiện quyết toán các dự án đã đầu tư.
- Tiếp tục triển khai đẩy nhanh tiến độ cho các dự án đã được phê duyệt. Những dự án và chương trình chưa thật sự cần thiết thì chưa đầu tư.
- Triển khai dự án gia công bia lon xuất khẩu với Công ty Hạt Lựu của Úc.

CÁC MẶT CÔNG TÁC KHÁC

- Tiếp tục duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015; Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2005; Hệ thống quản lý Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018.
- Xây dựng và củng cố khối đoàn kết nội bộ trong Công ty, coi đây là văn hóa doanh nghiệp củng cố cho sự phát triển. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy, các quy chế, quy định áp dụng chung toàn Công ty.
- Đẩy mạnh phong trào thi đua, lao động sáng tạo trong cán bộ công nhân viên và người lao động toàn Công ty, đây là công việc thường xuyên có tác dụng đẩy mạnh tăng năng suất lao động, cải tiến kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Thường xuyên quan tâm và triển khai thực hiện tốt công tác an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, môi trường, ...và thực hiện các chính sách đối với người lao động đúng pháp luật. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty.
- Tích cực tham gia các hoạt động công tác xã hội và hoạt động nhân đạo, chung tay phát triển cộng đồng bằng nhiều chương trình, hành động thiết thực, có ý nghĩa.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo này. Vì vậy, Ban Điều hành không có ý kiến thêm.

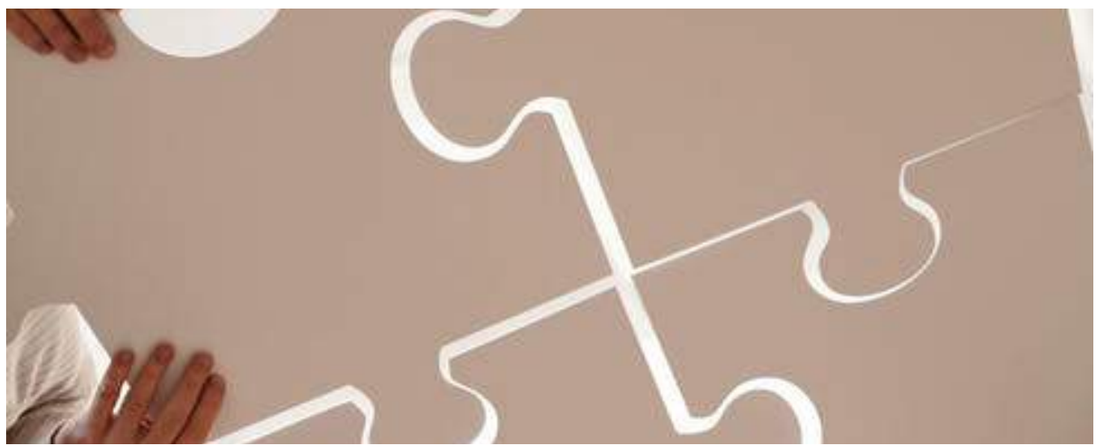

05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

71 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

73 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Điều hành

75 Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2020 với sự bùng phát dịch COVID-19 gây khó khăn đối với mọi lĩnh vực, ngành nghề. Tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, thu nhập của người dân bị ảnh hưởng đáng kể. Doanh thu của các mặt hàng không thiết yếu như bia rượu cũng bị hạn chế.

Ngoài ra, 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ 01/01/2020 đặt ra các quy định chặt chẽ hơn đối với tiếp thị và quảng bá bia, rượu kết hợp với các mức phạt nặng hơn đối với người tham gia điều khiển phương tiện giao thông có sử dụng rượu bia. Sản lượng tiêu thụ trong năm giảm ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của SMB, tuy nhiên vào hai quý cuối năm tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, hoạt động kinh doanh của Công ty bắt đầu khởi động lại.

Tình hình giá cả nguyên vật liệu sản xuất đặc biệt là nguyên liệu cho ngành đồ uống vẫn ổn định trong năm vừa qua, mức biến động của tỷ giá ngoại tệ ở mức chấp nhận được, không quá ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty. Tuy nhiên trong tình hình kinh doanh cạnh tranh gay gắt như hiện nay cũng là vấn đề được Hội đồng quản trị quan tâm hàng đầu.

Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Trung đã đạt được kết quả hoạt động tương đối tốt. Năm vừa qua, các chỉ tiêu đều đạt và hoàn thành, kế hoạch kết quả thực hiện lợi nhuận cho thấy tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh chung của toàn Công ty trong năm 2020 vẫn ổn định.

Tổng cộng: Lãi 201,36 tỷ đồng bằng 183,54% Kế hoạch 2020 và bằng 77,72% so cuối kỳ 2019. Trong đó:

– Nhà máy Đắk Lắk : Lãi 59,66 tỷ đồng bằng 820,63% Kế hoạch 2020 vả bằng 43,67% so cuối kỳ 2019.
– Nhà máy Phú Yên : Lãi 16,89 tỷ đồng bằng 102,74% Kế hoạch 2020 và bằng 48,80% so cuối kỳ 2019.
– Nhà máy Quy Nhơn : Lãi 87,33 tỷ đồng bằng 118,02% Kế hoạch 2020 và bằng 121,95% so cuối kỳ 2019.
– Thương mại Quy Nhơn: Lãi 23,12 tỷ đồng bằng 192,67% Kế hoạch 2020 và bằng 142,19% cuối kỳ 2019
– Thương mại Phú Yên : Lãi 14,36 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty vẫn luôn cố gắng hoàn thành các nghĩa vụ về nộp ngân sách Nhà Nước từ đó có những đóng góp tích cực cho nền kinh tế khu vực Tây Nguyên và nền kinh tế chung của Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành đã nỗ lực hết mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó. HĐQT đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của tất cả thành viên trong việc điều hành Công ty. Năm qua, Ban Điều hành đã có thành tích tốt trong các công tác tổ chức nhân sự, quản trị, công tác đầu tư, quản lý tài chính thông qua những giải pháp điều hành kiểm soát của hoạt động kinh doanh, đảm bảo được sự phù hợp và kịp thời; từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn thể nhân viên cống hiến hết mình trong công việc. Kết quả hoạt động là bằng chứng rõ rệt và xứng đáng cho những cống hiến mà Ban Điều hành dành cho Công ty trong suốt thời gian qua. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng trong thời gian tới, với việc duy trì và phát triển các chính sách quản lý hiệu quả Công ty sẽ tiếp tục có được nhiều thành công.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH KINH TẾ CHUNG

Thuận lợi:

- Nhờ kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh COVID-19, nên Việt Nam được đánh giá là điểm đến an toàn, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và là "Điểm sáng kinh tế năm 2021", sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong nước sớm ổn định sau thời gian bị khủng hoảng bởi đại dịch đi vào phát triển.
- Bia Sài Gòn vẫn giữ vững là thương hiệu mạnh với chất lượng ổn định và giá bán phù hợp.
- Tổng Công ty Sabeco và chính quyền địa phương sở tại luôn quan tâm sâu sát và tạo điều kiện thuận lợi, giúp đỡ nhiều mặt, nhất là trong công tác kỹ thuật và tiêu thụ sản phẩm.
- " Tập thể CBCNV Công ty có trình độ năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu công việc, có tinh thần trách nhiệm và đoàn kết cao là nền tảng cho sự phát triển của Công ty trong giai đoạn sắp tới.

Khó khăn:

- Tình hình dịch bệnh ở nhiều nước, khu vực trên thế giới vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp chưa được kiểm soát, nguy cơ đại dịch có thể bùng phát trở lại làm cho nhu cầu tiêu dùng giảm, nhất là những mặt hàng không thiết yếu như rượu, bia.
- Nghị định số 100/NĐ-CP của Chính Phủ về việc quy định các chế tài xử phạt hành chính đối với người sử dụng rượu, bia khi tham gia giao thông tiếp tục còn ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ bia, rượu.
- Tình hình thời tiết diễn biến ngày càng phức tạp, hiện tượng hạn hán, bão, lũ, sạt lở đất, ngập mặn, ... sẽ ảnh hưởng đến đời sống và tiêu dùng của người dân.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TRUNG

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021				%KH2021/ TH2020
				Tổng cộng	Đắk Lắk	Quy Nhơn	Phú Yên	
I	Sản lượng SX- tiêu thụ	Tr.lít	184,88	202	100,5	57	44,5	109,26
1	Bia các loại	Tr.lít	175,2	192	96	57	39	109,59
1.1	Bia Sài Gòn	Tr.lít	88,71	110	74	20	16	124
	+ Bia chai SG Lager 450	Tr.lít	29,73	40,18	11,03	15,94	13,21	135,17
	+ Bia chai SG Lager 355	Tr.lít	10,33	7,18	2,5	1,89	2,79	69,51
	+ Bia chai SG Ex-port 355	Tr.lít	0,77	2,16		2,16		280,4
	+ Bia lon SG Lager 330	Tr.lít	46,74	50,23	50,23			107,44
	+ Bia chai SG Chill 330	Tr.lít	0,32	5,91	5,91			1839,28
	+ Bia lon SG Chill 330	Tr.lít	0,81	4,5	4,5			537,08
1.2	Bia địa phương	Tr.lít	86,49	80	20	37	23	92,49
	+ Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	0,98	1		1		101,93
	+ Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	57,92	51	14	35	2	88,05
	+ Bia Tươi	Tr.lít	27,59	28	6	1	21	101,5
1.3	Bia gia công xuất khẩu	Tr.lít		2	2			
2	Nước UĐC, Sữa, Rượu	Tr.lít	9,68	10	4,5		5,5	103,28
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1.207,15	1.315,03	809,88	326,46	178,69	108,94
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	199,23	(*)152,82	71,51	70,4	10,92	76,71
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	1.093,94	1.241,41	818,16	284,52	138,73	113,48

Ghi chú:

(*) Lợi nhuận KH2021 của SMB (152,82 tỷ đồng) đã bao gồm phần lợi nhuận KH sau phân phối của Cty TNHH MTV TM-DV Bia Quy Nhơn chuyển về Trụ sở chính DakLak: 21,13 tỷ đồng.

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 CÔNG TY TNHH MTV TM-DV BIA QUY NHƠN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch năm 2021			%KH2021/ TH2020
				Tổng cộng	TMQN	TMPY	
I	Sản lượng tiêu thụ	Tr.lít	86,44	79,5	53	26,5	91,97
I	Bia địa phương	Tr.lít	80,94	74	53	21	91,42
	+ Bia Lowen 330 Pils	Tr.lít	0,98	1	1		101,93
	+ Bia Quy Nhơn 330	Tr.lít	57,92	51	51		88,05
	+ Bia Tươi	Tr.lít	22,04	22	1	21	99,84
2	Nước uống đóng chai	Tr.lít	5,5	5,5		5,5	100
3	Kho Pepsi	Tỷ.đ	5,85	6,05	6,05		103,42
	+ Thuê kho	Tỷ.đ	1,1	1,1	1,1		100
	+ Dịch vụ kho	Tỷ.đ	4,75	4,95	4,95		104,21
II	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	744,73	687,35	544,08	143,27	92,3
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	35,43	31,4	17,00	14,40	88,63
IV	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	11,55	10,26	7,8	2,46	88,83

06

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

79 Mục tiêu phát triển bền vững

81 Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hiệu quả về kinh tế- Bảo vệ môi trường- Trách nhiệm xã hội được Công ty đề ra bao gồm:

- **Doanh nghiệp:** Duy trì sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tiếp tục nghiên cứu ra các sản cung cấp đến người tiêu dùng sản phẩm thực sự chất lượng;
- **Khách hàng :** Tuân thủ cam kết, cung cấp cho KH sản phẩm có chất lượng ổn định, đa dạng, làm tốt hậu mãi;
- **Nhà đầu tư:** Sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn lực, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác. Đảm bảo lợi ích của cổ đông;
- **Người lao động:** có cơ hội được đào tạo, phát triển nghề nghiệp, tự do tham gia hiệp hội đoàn thể được nhà nước cho phép, trả lương đầy đủ, đúng hẹn, thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ khác;
- **Nhà cung cấp:** Thỏa thuận công bằng, hướng tới lựa chọn nhà cung cấp cùng cahi hướng về phát triển bền vững để xây dựng chuỗi cung ứng toàn diện về phát triển bền vững;
- **Cơ quan quản lý nhà nước:** Tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, cung cấp thông tin đầy đủ , kịp thời theo yêu cầu,… Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.

NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- **Trách nhiệm:** Công nhận quyền lợi của các bên liên quan theo quy định của Pháp luật;
- **Công bằng:** Đối xử công bằng với tất cả cổ đông trong Công ty;
- **Bền vững:** Đảm bảo lợi ích bền vững cho các bên liên quan, đảm bảo hài hòa giữa phát triển công ty và phát triển kinh tế - xã hội và môi trường;
- **Minh bạch:** Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề liên quan tới doanh nghiệp theo quy định kịp thời và chính xác.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Không ngừng hoàn thiện, đổi mới, đảm bảo cung cấp đến người tiêu dùng sản phẩm thực sự chất lượng.

- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông.
- Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.
- Góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

STT	Nguyên vật liệu, hóa chất	ĐVT	Khối lượng
1	Malt	Kg	8.001.232
2	Gạo	Kg	3.322.145
3	Houblon	Kg	4.163
4	NaOH	Kg	381.229.000
5	Axit	Kg	75.686.808
6	Điện	KWh	8.913.429
7	Nước	m^3	351.657
8	Hơi	Tấn	32.727

BÁO CÁO
TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Công ty thực hiện tốt các quy định của cơ quan chức năng về an toàn vệ sinh thực phẩm. Công ty đã xây dựng và duy trì Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008, Hệ thống Quản lý An toàn vệ sinh thực phẩm ISO 22000:2005 và Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004.

VỀ MÔI TRƯỜNG

Công ty tổ chức tốt việc thực hiện các văn bản chỉ đạo về Luật bảo vệ môi trường cụ thể: 100% nước thải được xử lý theo quy định, chất thải nguy hại cũng được xử lý và được thu gom theo đúng quy định của pháp luật, trong năm 2020 Công ty không có vi phạm về môi trường.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Tình hình tiêu thụ năng lượng điện trong năm 2020:

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	Năm 2020	Đơn vị tính
1	Nhà máy Đắk Lắk	9.040.075	Kwh
2	Nhà máy Quy Nhơn	7.231.602	Kwh
3	Nhà máy Phú Yên	4.223.457	Kwh
Tổng năng lượng điện tiêu thụ		**20.495.134**	**Kwh**

Tình hình tiết kiệm nước trong năm 2020:

STT	Các nguồn nước	Tổng lượng nước thu về/ đạt được	Đơn vị tính
1	Nhà máy Đắk Lắk	351.568	m^3/năm
2	Nhà máy Quy Nhơn	288.539	m^3/năm
3	Nhà máy Phú Yên	196.368	m^3/năm
Tổng năng lượng nước tiêu thụ		**836.475**	**m^3/năm**

STT	Sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả (Nâng cấp - thay thế thiết bị)	Địa điểm hoạt động	Mục đích mang lại
1	Đầu tư điện năng lượng mặt trời áp mái công suất 1Mwp	Nhà máy Đắk Lắk	Tiết kiệm : 1.400.000 Kwh tương đương 2.720.000.000 đ/năm
2	Đầu tư điện năng lượng mặt trời áp mái công suất 1Mwp	Nhà máy Quy Nhơn	Tiết kiệm : 1.400.000 Kwh tương đương 2.720.000.000 đ/năm
3	Đầu tư điện năng lượng mặt trời áp mái công suất 1Mwp	Nhà máy Phú Yên	Tiết kiệm : 1.400.000 Kwh tương đương 2.720.000.000 đ/năm
4	Đầu tư hệ thống nước giếng khoan tại Nhà máy Bia Sài Gòn Daklak	Nhà máy Đắk Lắk	Tiết kiệm chi phí sử dụng nước hàng năm 1,77 tỷ đồng/năm
5	Đầu tư lò hơi tầng sôi công suất 10 tấn/h	Nhà máy Quy Nhơn	Tiết kiệm chi phí sử dụng hơi so với việc mua hơi là 5 tỷ đồng/năm
6	Thay dàn trao đổi nhiệt làm lạnh nhanh dịch đường Schmidt Sigma 66 SBL (146 tấm bảng) bằng bộ trao đổi nhiệt lớn hơn Alfalaval TL10-PFM (221 tấm bảng), công suất 2672KW.	Nhà máy Quy Nhơn	Giảm được 2.5-3m3 nước đá sử dụng trên mỗi mẻ
7	Kiểm soát rò rỉ khí nén bằng thiết bị cầm tay CS-Instrument LD 500	Nhà máy Quy Nhơn	Giảm được lượng điện tiêu thụ của hệ thống máy nén khí: 247.925 kWh, tiết kiệm chi phí điện năng khoảng 430 triệu
8	Thay thế các bóng đèn cao áp halogen, huỳnh quang bằng đèn Led	Cả 3 nhà máy	Giảm điện năng tiêu thụ

BÁO CÁO
TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN TỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động như: 100% lao động đều được ký kết hợp đồng lao động, được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp đúng quy định của pháp luật;
- Thực hiện tốt công tác tư tưởng, công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, nâng lương, nâng bậc, ... Trong năm qua không có đơn thư nặc danh, đơn thư tập thể, đơn thư vượt cấp.
- Công đoàn Đại diện người lao động xây dựng, thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể đảm bảo lợi ích của người lao động, có lợi hơn so với quy định của Bộ luật lao động cụ thể là: Công đoàn đã cùng với Lãnh đạo Công ty thoả thuận về việc thực hiện các chế độ chính khác đối với người lao động cụ thể chi tiền các ngày lễ trong năm, ngày sinh nhật và ngày kết hôn của người lao động, quan tâm đến những người đã có công (Thương binh, gia đình liệt sỹ, cựu chiến binh..), các chế độ chính sách đối với nữ Công nhân viên – lao động và con Công nhân viên – lao động...
- Công đoàn đã thực hiện tốt trong công tác giám sát việc thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời các chế độ chính sách đối với Công nhân viên – lao động như: Trả lương; trả lương làm thêm giờ; chế độ xét nâng bậc lương định kỳ; giải quyết chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, ...Từ đó đoàn viên công đoàn yên tâm công tác, đoàn kết, cống hiến nhiều hơn trong công việc.
- Thực hiện các chế độ chính sách có lợi cho người lao động như:
  - Tăng thời gian nghỉ vẫn hưởng nguyên lương đối với lao động nữ có con nhỏ dưới 24 tháng tuổi, nghỉ làm việc 60 phút/ngày (Luật áp dụng con nhỏ dưới 12 tháng tuổi);
  - Lao động nữ sau khi sinh con lần thứ 1 hoặc lần thứ 2 được bồi dưỡng không quá 1,5 mức lương tối thiểu chung do Nhà nước quy định;
  - Ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh, chị, em ruột chết; bố hoặc mẹ kết hôn; anh, chị, em ruột (bên vợ, bên chồng) kết hôn được nghỉ 01 ngày được hưởng nguyên lương (Luật được nghỉ 1 ngày không lương);
  - Người lao động được tuyển dụng từ đơn vị khác đến thì được bảo lưu thời gian làm việc thâm niên (Thời gian tham gia bảo hiểm) trước đó để tính thời gian phép hàng năm;
  - Tặng quà sinh nhật cho Công nhân viên – lao động 300.000/ người. Ngoài ra, còn có quy định các mức trợ cấp khó khăn, thăm viếng khi Công nhân viên – lao động, gia đình Công nhân viên – lao động có khó khăn hoặc hiếu hỉ, ốm đau, tang gia; khen thưởng con Công nhân viên – lao động thi đậu vào các trường đại học công lập, …
  - 100% người lao động được khám sức khỏe định kỳ hàng năm; tổ chức bồi dưỡng chế độ độc hại bằng hiện vật theo quy định.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Hàng năm người lao động đều được đào tạo về công tác chuyên môn, công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; trường hợp lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại... được tập huấn cấp Giấy chứng nhận và định kỳ hàng năm được huấn luyện lại ít nhất là 8 giờ/1 lao động.
- Ngoài ra Công ty cử cán bộ đi tập huấn đào tạo như: Tổ chức đào tạo, huấn luyện an toàn hóa chất cho nhóm 1 và nhóm 5, an toàn bức xạ trong công nghiệp, xử lý nước thải. Tham gia khóa học Brewing lần 5 tại Quy Nhơn, khóa đào tạo Brewmaster, kỹ năng bán hàng hiệu quả theo 6C... Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp như: kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động nhằm đảm bảo cho người lao động có đủ khả năng thực hiện công việc được giao. Toàn bộ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động theo kế hoạch do người sử dụng lao động chi trả.
- Trường hợp người lao động nếu có nhu cầu học thêm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ngoài kế hoạch của Công ty, sẽ được người sử dụng lao động xem xét quyết định trên cơ sở phù hợp với nhu cầu và không để ảnh hưởng đến sản xuất. Khi người lao động được đồng ý cho đi học tập, đào tạo ngoài kế hoạch của Công ty thì khi học xong chất lượng học tập đạt kết quả, đáp ứng được nhu cầu công việc tại Công ty thì người sử dụng lao động sẽ xem xét hỗ trợ một phần kinh phí mà người lao động đã bỏ ra trong thời gian học tập hoặc bố trí công việc phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

TỔNG TIỀN THỰC HIỆN CÔNG TÁC XÃ HỘI NĂM 2020: 1.262.000.000 đồng, cụ thể:

- Hỗ trợ Xây dựng cơ sở hạ tầng, an sinh xã hội cho địa phương: 200.000.000 đồng.
- Ủng hộ cho dịch bệnh Covid 19, đồng bào bị ngập mặn, lũ lụt : 193.000.000 đồng.
- Tài trợ Học bổng cho các học sinh nghèo vượt khó: 100.000.000 đồng.
- Hỗ trợ cho Buôn kết nghĩa – Buôn Yao: 104.000.000 đồng.
- Hỗ trợ Mẹ Cao Thị Thóc – mẹ Việt Nam anh hùng: 12.000.000 đồng.
- Ủng hộ Quỹ người nghèo và các hộ nghèo: 523.000.000 đồng.
- Hỗ trợ xây nhà tình nghĩa cho đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh: 70.000.000 đồng.
- Tài trợ khám chữa bệnh cho người tàn tật do Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi: 30.000.000 đồng.
- Hỗ trợ cho Liên đoàn lao động Tỉnh Đắk Lắk để tặng quà cho công nhân lao động khó khăn đón Tết: 30.000.000 đồng.

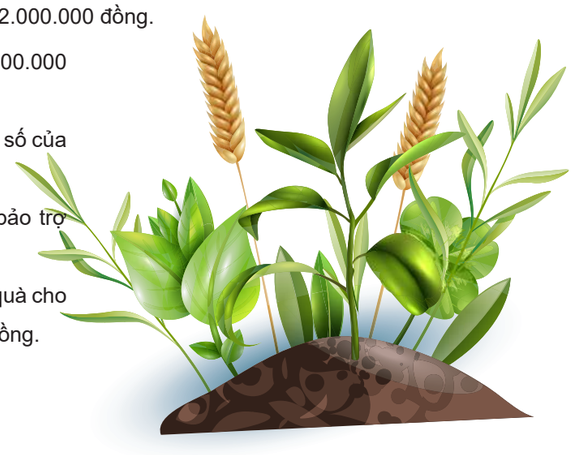

07

QUẢN TRỊ CÔNG TY

87 Hội đồng quản trị

89 Ban kiểm soát

91 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Lâm Du An	Chủ tịch	7/7	100%
2	Huỳnh Văn Dũng	Thành viên	7/7	100%
3	Phạm Văn Phong	Thành viên	7/7	100%
4	Nguyễn Thị Phước	Thành viên	7/7	100%
5	Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên	7/7	100%

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Điều hành, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2020/NQ-HĐQT	04/01/2020	• Thông qua quả hoạt động SXKD năm 2019, kế hoạch SXKD năm 2020; Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2019. • Thông qua Quy chế CBTT của Công ty. • Thông qua thù lao HĐQT, BKS Công ty và Công ty Thương mại; mức lương của TGĐ Công ty; tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Phú Yên. • Thông qua báo cáo tình hình đầu tư và giải ngân năm 2019, kế hoạch năm 2020. • Thông qua việc thế chấp tài sản để vay vốn lưu động Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV. • Thông qua một số nội dung chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
2	02/2020/NQ-HĐQT	09/03/2020	• Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ năm 2020. • Thông qua chủ trương đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời tại 3 Nhà máy.
3	03/2020/NQ-HĐQT	13/04/2020	• Thông qua việc gia hạn thời gian Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung.
4	04/2020/NQ-HĐQT	20/04/2020	• Thông qua thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020
5	05/2020/NQ-HĐQT	25/05/2020	• Thông qua Báo cáo kết quả SXKD 4 tháng đầu năm 2020 và biện pháp thực hiện 8 tháng cuối năm. • Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung tài liệu trình Đại hội cổ đông 2020.
6	06/2020/NQ-HĐQT	15/06/2020	• Thông qua quyết toán dự án hoàn thành Hạng mục: Khai thác nước ngầm phục vụ sản xuất tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Đắk Lắk
7	07/2020/NQ-HĐQT	02/07/2020	• Thông qua quyết toán dự án hoàn thành Hạng mục: Đầu tư lò hơi tầng sôi 10 tấn/h tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Quy Nhơn
8	08/2020/NQ-HĐQT	20/07/2020	• Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2020. • Thông qua Báo cáo kế hoạch đầu tư và giải ngân năm 2020.
9	09/2020/NQ-HĐQT	05/10/2020	• Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2020. • Thông qua tờ trình số: 260/TTr-CT ngày 16/09/2020 của Công ty về việc phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật và tờ trình số:255/TTr-CT ngày 14/09/2020 về việc Phân cấp phê duyệt các văn bản pháp lý của Hạng mục công trình: Hệ thống máy lạnh công suất 400KW tại Nhà máy Bia Sài Gòn – Phú Yên. • Thống nhất chủ trương chi tạm ứng cổ tức năm 2020 với mức chi 25%. Thời gian thực hiện trong tháng 11/2020.
10	10/2020/NQ-HĐQT	14/11/2020	• Thống nhất tái bổ nhiệm các chức danh Phó Tổng Giám Đốc.
11	11/2020/NQ-HĐQT	09/12/2020	• Thống nhất chủ trương chi tạm ứng cổ tức đợt năm 2020 với mức chi 10%. Thời gian thực hiện 04/01/2021.

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2020, BKS đã tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT, xem xét, rà soát các Nghị Quyết do HĐQT ban hành nhằm kiểm tra tính hợp pháp và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Nhằm đảm bảo Công ty luôn hoạt động hiệu quả, đem lại nhiều lợi ích hơn nữa cho cổ đông. BKS đã nghiêm túc thực hiện chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát các mục tiêu và hoạt động mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; giám sát việc chi trả cổ tức năm 2019 cũng như tiến độ triển khai kế hoạch kinh doanh.

STT	Thành viên	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Nguyễn Văn Dũng	3/3	100%	100%
2	Trịnh Văn Thảo	3/3	100%	100%
3	Bùi Quang Đáng	3/3	100%	100%

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA, HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Ban kiểm soát giữ mối quan hệ làm việc đầy đủ, thường xuyên với HĐQT và Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát các hoạt động để đảm bảo Công ty hoạt động đúng định hướng và đúng pháp luật. Thường xuyên trao đổi HĐQT và Ban Điều hành về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và các Nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thông qua.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Chi nhánh trực thuộc để Ban kiểm soát thực hiện hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc nhiệm vụ của Đại Hội đồng cổ đông, cụ thể là theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản trị, điều hành và các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung. Ban kiểm soát đã thực hiện với tinh thần trách nhiệm: phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong ban; cử đại diện tham gia các cuộc họp của HĐQT; xây dựng kế hoạch thực hiện; thẩm tra Báo cáo tài chính Quý I, II, III, IV năm 2020 của Công ty.

Giám sát quy trình tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 theo đúng Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp năm 2014, cũng như Nghị định 71/NĐ-CP.

Cập nhật chia sẻ các nghị định, thông tư mới.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã chấp hành nghiêm túc và đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán đối với các Công ty đại chúng.

Ban điều hành đã bám sát nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chú trọng công tác quản trị sản xuất, siết chặt định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, tiết kiệm chi phí trong các nhà máy sản xuất. Chất lượng Bia sản xuất ra ổn định, giữ được uy tín sản phẩm đối với người tiêu dùng.

Hoạt động của Công ty CP Bia Sài Gòn – Miền Trung lành mạnh, tình hình tài chính, công tác kế toán minh bạch. Công tác quản lý sử dụng vốn tốt, linh hoạt giữa các Chi nhánh mang lại hiệu quả kinh tế cao trong việc vay, trả nợ vay và quản lý dòng tiền của Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
1	Lâm Du An	Chủ tịch HĐQT	180.000.000
2	Huỳnh Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	126.000.000
3	Phạm Văn Phong	TV HĐQT kiêm TGĐ	126.000.000
4	Nguyễn Thị Phước	TV HĐQT	126.000.000
5	Nguyễn Thị Thùy Linh	TV HĐQT	126.000.000
	Tổng		**684.000.000**

BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao
1	Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban kiểm soát	180.000.000
2	Bùi Quang Đáng	Thành viên	90.000.000
3	Trịnh Văn Thảo	Thành viên	90.000.000
	Tổng		**360.000.000**

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương
1	Huỳnh Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ	833.423.885
2	Võ Thành Điền	Phó Tổng Giám Đốc	729.654.851
3	Vũ Tuấn Anh	P.TGĐ kiêm kế toán trưởng	781.000.749
	Tổng		**2.344.079.485**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (Mua bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Huỳnh Văn Dũng	TV HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty	347.305	1,16%	392.595	1.31%	Tăng tỷ lệ sở hữu
2	Võ Thị Thanh Hằng	Con ruột của ông Võ Thành Điền – P. TGĐ Công ty	6.000	0,02%	0%	0%	Nhu cầu tài chính
3	Võ Thành Huy	Con ruột của ông Võ Thành Điền – P. TGĐ Công ty	10.000	0,03%	0%	0%	Nhu cầu tài chính
4	Nguyễn Đức Hòa	Anh ruột của Bà Nguyễn Thị Phước – TV HĐQT	2.046	0,00%	0%	0%	Nhu cầu tài chính
5	Nguyễn Thị Lai	Em ruột của Bà Nguyễn Thị Phước – TV HĐQT	4.146	0,01%	0%	0%	Nhu cầu tài chính
6	Huỳnh Thị Bích Tiên	Vợ của ông Nguyễn Hoàng Long – GĐ Chi nhánh Quy Nhơn	14.340	0,01%	2.500	0,00%	Nhu cầu tài chính

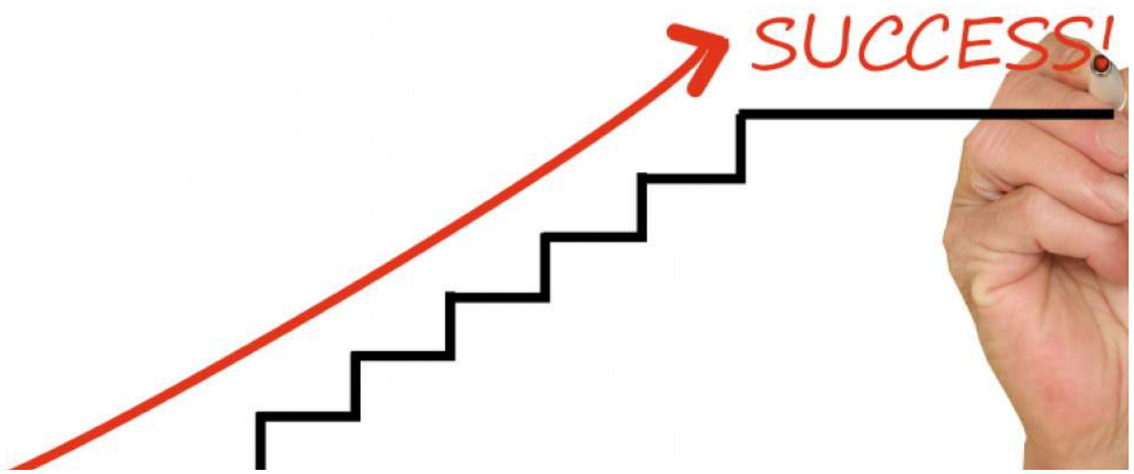

08

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

95 Báo cáo kiểm toán độc lập

100 Bảng cân đối kế toán

103 Kết quả hoạt động kinh doanh

104 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

105 Thuyết minh báo cáo tài chính

KPMG

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
và công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3503000233 4100739909	ngày 26 tháng 9 năm 2008 ngày 16 tháng 5 năm 2017
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4100739909 ngày 16 tháng 5 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Lâm Du An	Chủ tịch
	Ông Huỳnh Văn Dũng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Phước	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên
	Ông Phạm Văn Phong	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Văn Dũng	Trưởng ban
	Ông Trịnh Văn Thảo	Thành viên
	Ông Bùi Quang Đáng	Thành viên
Ban Điều hành	Ông Huỳnh Văn Dũng	Tổng Giám đốc
	Ông Võ Thanh Điền	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán Trưởng
Trụ sở đăng ký	Số 1 Nguyễn Văn Linh Phường Tân An, Thành phố Buôn Mê Thuột Tỉnh Đắk Lắk Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Điều hành

M.S.D.N: 4100739000 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG TP. BUÔN MA THUỘT - T. ĐẮK LẮK

Huỳnh Văn Dũng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đắk Lắk, ngày 22 tháng 2 năm 2021

KPMG

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 2 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo Kiểm toán số: 20-01-00278-21-4

Hà Vũ Định	Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 0414-2018-007-1	Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề Kiểm toán số 0304-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 2 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**331.751.119.587**	**272.037.901.806**
Tiền	**110**	**6**	**37.098.441.283**	**3.174.483.781**
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**40.000.000.000**	**-**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	40.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**74.832.418.494**	**68.088.565.698**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	52.714.479.887	59.325.698.021
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		21.723.940.705	5.702.772.397
Phải thu ngắn hạn khác	136		2.077.531.884	3.629.976.357
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.729.225.086)	(1.655.325.086)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.045.691.104	1.085.444.009
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**174.083.943.736**	**193.707.783.423**
Hàng tồn kho	141		174.726.902.262	193.707.783.423
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(642.958.526)	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.736.316.074**	**7.067.068.904**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.732.404.839	7.063.157.669
Thuế phải thu Nhà nước	153		3.911.235	3.911.235

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	**200**		**472.318.564.823**	**525.436.881.737**
Tài sản cố định	**220**		**382.110.437.351**	**439.414.470.274**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	381.438.013.108	438.890.152.512
Nguyên giá	*222*		*1.462.707.461.710*	*1.444.929.671.500*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(1.081.269.448.602)*	*(1.006.039.518.988)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	672.424.243	524.317.762
Nguyên giá	*228*		*1.479.636.190*	*1.406.656.962*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(807.211.947)*	*(882.339.200)*
Bất động sản đầu tư	**230**	**12**	**7.545.867.292**	**7.905.148.336**
Nguyên giá	*231*		*9.795.838.071*	*9.795.838.071*
Giá trị hao mòn lũy kế	*232*		*(2.249.970.779)*	*(1.890.689.735)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**655.011.307**	**1.681.717.228**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	655.011.307	1.681.717.228
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**7(b)**	**19.406.520.000**	**19.406.520.000**
Đầu tư vào công ty liên kết	252		19.406.520.000	19.406.520.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**62.600.728.873**	**57.029.025.899**
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	58.775.700.349	53.278.990.290
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.825.028.524	3.750.035.609
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**804.069.684.410**	**797.474.783.543**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**308.831.407.519**	**325.464.327.250**
Nợ ngắn hạn	**310**		**283.781.245.355**	**301.982.357.624**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	14.718.897.357	27.345.187.960
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.374.069.135	2.325.543.973
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	122.699.351.252	137.445.298.890
Phải trả người lao động	314		26.995.615.387	14.711.831.674
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	3.460.884.875	6.535.391.997
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.545.455	32.854.350
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	56.878.536.515	50.706.168.524
Vay ngắn hạn	320	19	47.855.837.646	60.109.306.459
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	6.773.507.733	2.770.773.797
Nợ dài hạn	**330**		**25.050.162.164**	**23.481.969.626**
Phải trả dài hạn khác	337		6.649.500.000	5.497.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	18.400.662.164	17.984.469.626
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**495.238.276.891**	**472.010.456.293**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**22**	**495.238.276.891**	**472.010.456.293**
Vốn cổ phần	411	23	298.466.480.000	298.466.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*298.466.480.000*	*298.466.480.000*
Vốn khác	414		12.234.693	12.234.693
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	74.810.094.569	64.457.934.536
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		121.949.467.629	109.073.807.064
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*67.599.641.028*	*6.493.874.397*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*54.349.826.601*	*102.579.932.667*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**804.069.684.410**	**797.474.783.543**

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Nguyễn Thành Nguyên	Vũ Tuấn Anh	Huỳnh Văn Dũng
Phó phòng Tài chính – Kế toán	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**27**	**1.207.164.990.860**	**1.525.737.516.960**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**27**	**15.893.182**	**1.063.591.285**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**27**	**1.207.149.097.678**	**1.524.673.925.675**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**11**	**28**	**895.889.134.850**	**1.169.737.354.191**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**311.259.962.828**	**354.936.571.484**
Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.491.032.863	1.150.448.175
Chi phí tài chính	22		3.382.380.168	4.749.668.737
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*3.382.308.682*	*4.739.324.496*
Chi phí bán hàng	25	29	51.175.437.200	41.053.188.557
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	67.293.816.198	71.426.729.220
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**192.899.362.125**	**238.857.433.145**
Thu nhập khác	31	31	10.719.227.032	30.826.676.726
Chi phí khác	32	32	4.383.159.820	10.590.012.259
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**6.336.067.212**	**20.236.664.467**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**199.235.429.337**	**259.094.097.612**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**34**	**40.497.327.651**	**52.290.409.502**
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	**52**	**34**	**(74.992.915)**	**(239.512.557)**
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**158.813.094.601**	**207.043.200.667**
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.313	6.461

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Nguyễn Thành Nguyên	Vũ Tuấn Anh	Huỳnh Văn Dũng
Phó phòng Tài chính – Kế toán	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**199.235.429.337**	**259.094.097.612**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		80.145.380.691	90.590.757.191
Các khoản dự phòng	03		2.256.883.439	1.012.358.275
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.095.025)	292.527
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.173.049.716)	(1.234.285.344)
Chi phí lãi vay	06		3.382.308.682	4.739.324.496
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**281.844.857.408**	**354.202.544.757**
Biến động các khoản phải thu	09		(7.817.752.796)	23.675.986.470
Biến động hàng tồn kho	10		18.980.881.161	(14.443.155.800)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		6.382.385.339	(46.173.148.414)
Biến động chi phí trả trước	12		(4.165.957.229)	1.566.491.497
			295.224.413.883	**318.828.718.510**
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.482.572.742)	(5.140.444.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(46.053.515.135)	(38.400.390.563)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		566.210.000	316.415.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(26.774.098.439)	(14.739.129.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**219.480.437.567**	**260.865.169.322**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(36.359.579.020)	(85.615.851.430)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	201.944.441
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(355.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		315.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		3.488.937.838	1.150.396.461
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(72.870.641.182)**	**(84.263.510.528)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		693.300.000.000	777.850.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(705.553.468.813)	(826.393.875.252)
Tiền chi trả cổ tức	36		(100.434.465.095)	(153.547.071.134)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(112.687.933.908)**	**(202.090.946.386)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**33.921.862.477**	**(25.489.287.592)**
Tiền đầu năm	**60**		**3.174.483.781**	**28.664.063.900**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	**61**		**2.095.025**	**(292.527)**
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**6**	**37.098.441.283**	**3.174.483.781**

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Nguyễn Thành Nguyên	Vũ Tuấn Anh	Huỳnh Văn Dũng
Phó phòng Tài chính – Kế toán	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 993/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là SMB.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty") và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị và phụ tùng thay thế của ngành công nghiệp thực phẩm; cung cấp dịch vụ đào tạo và tư vấn lắp đặt máy móc trong ngành công nghiệp thực phẩm; đầu tư và xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư; kinh doanh bất động sản và cung cấp dịch vụ văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2020: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết 31/12/2020	% sở hữu và quyền biểu quyết 1/1/2020
Công ty con sở hữu trực tiếp				
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Dịch Vụ Bia Quy Nhơn	Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Kinh doanh bia, rượu và nước giải khát	100%	100%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	In ấn	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nhóm Công ty có 487 nhân viên (1/1/2020: 495 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v…).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được thể hiện theo giá gốc.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ tài sản khác	8 – 20 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	16 – 25 năm

(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Chi phí thuê cơ sở hạ tầng

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê là từ 10 đến 16 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Covid-19 và nghị định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 ("Covid-19") từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Nhóm Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất và kinh doanh bia rượu. Ban Điều hành Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Điều hành Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác bao gồm sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết và các loại nước giải khát; và nắm giữ bất động sản đầu tư cho thuê và chờ tăng giá. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	929.202.826	289.967.829
Tiền gửi ngân hàng	36.169.238.457	2.884.515.952
	37.098.441.283	3.174.483.781

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,4% đến 5,9% một năm (1/1/2020: Không).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020 và 1/1/2020				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lí VND
Đầu tư vào:					
Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	1.963.579	20%	19.406.520.000	-	(*)

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	44.976.587.953	52.036.671.280
Các khách hàng khác	7.737.891.934	7.289.026.741
	52.714.479.887	59.325.698.021

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	44.976.587.953	52.036.671.280
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên	-	4.823.629

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	601.001.000	-	-	-
Nguyên vật liệu	61.883.616.513	(642.958.526)	67.476.529.481	-
Công cụ và dụng cụ	63.517.367.546	-	57.544.241.188	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.829.954.485	-	27.877.475.066	-
Thành phẩm	20.878.976.689	-	40.783.135.885	-
Hàng hóa	14.052.493	-	16.209.881	-
Hàng gửi đi bán	1.933.536	-	10.191.922	-
	174.726.902.262	(642.958.526)	193.707.783.423	-

Số dư của dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2019: Không).

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	244.323.071.558	1.169.673.893.762	22.980.338.404	6.779.888.942	1.172.478.834	1.444.929.671.500
Tăng trong năm	-	3.777.174.000	200.000.000	-	70.000.000	4.047.174.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.066.961.304	13.502.001.360	-	-	-	18.568.962.664
Xóa sổ	(345.487.376)	(4.492.859.078)	-	-	-	(4.838.346.454)
Số dư cuối năm	249.044.545.486	1.182.460.210.044	23.180.338.404	6.779.888.942	1.242.478.834	1.462.707.461.710
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	105.795.361.702	882.931.980.404	12.193.283.871	4.311.468.283	807.424.728	1.006.039.518.988
Khấu hao trong năm	13.015.482.593	64.099.403.457	1.982.156.177	612.258.464	43.087.255	79.752.387.946
Xóa sổ	(195.335.427)	(4.327.122.905)	-	-	-	(4.522.458.332)
Số dư cuối năm	118.615.508.868	942.704.260.956	14.175.440.048	4.923.726.747	850.511.983	1.081.269.448.602
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	138.527.709.856	286.741.913.358	10.787.054.533	2.468.420.659	365.054.106	438.890.152.512
Số dư cuối năm	130.429.036.618	239.755.949.088	9.004.898.356	1.856.162.195	391.966.851	381.438.013.108

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 522.199 triệu VND (1/1/2020: 373.645 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 48.659 triệu VND (1/1/2020: 24.498 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 19).

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	500.000.000	677.656.962	229.000.000	1.406.656.962
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	181.818.182	-	181.818.182
Xóa sổ	-	(108.838.954)	-	(108.838.954)
Số dư cuối năm	500.000.000	750.636.190	229.000.000	1.479.636.190
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	677.656.962	204.682.238	882.339.200
Khấu hao trong năm	-	9.393.939	24.317.762	33.711.701
Xóa sổ	-	(108.838.954)	-	(108.838.954)
Số dư cuối năm	-	578.211.947	229.000.000	807.211.947
Gía trị còn lại				
Số dư đầu năm	500.000.000	-	24.317.762	524.317.762
Số dư cuối năm	500.000.000	172.424.243	-	672.424.243

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 735 triệu VND (1/1/2020: 783 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	5.138.206.292	5.497.487.336
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	2.407.661.000	2.407.661.000
	7.545.867.292	7.905.148.336

(a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	7.388.177.071
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.890.689.735
Khấu hao trong năm	359.281.044
Số dư cuối năm	2.249.970.779
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	5.497.487.336
Số dư cuối năm	5.138.206.292

(b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	2.407.661.000

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	1.681.717.228	3.137.472.391
Tăng trong năm	17.724.074.925	61.440.698.137
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(18.568.962.664)	(59.440.004.577)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(181.818.182)	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(616.831.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(1.760.388.436)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.079.229.287)
Số dư cuối năm	655.011.307	1.681.717.228

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê cơ sở hạ tầng VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	23.861.350.251	12.631.922.278	12.292.731.191	4.492.986.570	53.278.990.290
Tăng trong năm	16.915.269.837	9.910.119.902	2.856.125.361	4.528.142.796	34.209.657.896
Phân bổ trong năm	(14.116.945.378)	(10.435.609.327)	(528.805.760)	(3.523.862.487)	(28.605.222.952)
Thanh lý	(107.724.885)	-	-	-	(107.724.885)
Số dư cuối năm	26.551.949.825	12.106.432.853	14.620.050.792	5.497.266.879	58.775.700.349

15. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty TNHH Thịnh Đức	2.119.078.500	-
Công ty TNHH Vận tải Thái Tân	1.483.395.650	2.768.388.425
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.269.459.419	9.474.647.773
Các nhà cung cấp khác	9.846.963.788	15.102.151.762
	14.718.897.357	27.345.187.960

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.269.459.419	9.474.647.773
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	183.528.400	2.651.055.165
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên	-	29.194.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cấn trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.188.702.866	283.539.985.857	(143.474.647.288)	(139.825.940.760)	12.428.100.675
Thuế tiêu thụ đặc biệt	101.648.752.405	915.385.780.659	-	(924.339.366.500)	92.695.166.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.745.258.740	40.497.327.651	-	(46.053.515.135)	15.189.071.256
Thuế thu nhập cá nhân	2.822.625.990	5.400.037.300	-	(6.014.246.811)	2.208.416.479
Tiền thuê đất, thuế đất	-	3.303.078.558	-	(3.303.078.558)	-
Các loại thuế khác	39.958.889	827.024.336	-	(688.386.947)	178.596.278
	137.445.298.890	1.248.953.234.361	(143.474.647.288)	(1.120.224.534.711)	122.699.351.252

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí khuyến mãi	1.270.307.229	4.135.602.686
Chi phí lãi vay	422.981.899	523.245.959
Chi phí khác	1.767.595.747	1.876.543.352
	3.460.884.875	6.535.391.997

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Cổ tức phải trả	47.135.279.768	43.106.476.863
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.874.535.800	1.488.144.200
Phải trả ngắn hạn khác	7.868.720.947	6.111.547.461
	56.878.536.515	50.706.168.524

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Biến động trong năm Giảm VND	31/12/2020 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	35.500.000.000	693.300.000.000	(699.400.000.000)	29.400.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	24.609.306.459	-	(6.153.468.813)	18.455.837.646
	60.109.306.459	693.300.000.000	(705.553.468.813)	47.855.837.646

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên (i)	VND	0,5%	18.400.000.000	18.400.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (ii)	VND	6,0%	11.000.000.000	3.600.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (iii)	VND	5,9%	-	12.000.000.000
Nhân viên Công ty	VND	7,0%	-	1.500.000.000
			29.400.000.000	35.500.000.000

(i) Khoản vay từ Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên, công ty liên kết, không có đảm bảo.

(ii) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Bình Định có hạn mức tín dụng là 30.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.

(iii) Khoản vay từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lăk có hạn mức tín dụng là 85.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Vietcombank tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có đảm bảo và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Nhóm Công ty có một hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Đắk Lắk với hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của BIDV tại ngày giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 27.075 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: Không) (Thuyết minh 10) và được sử dụng để bổ sung vốn lưu động của Nhóm Công ty. Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (i)	VND	8,6%	2021	8.812.500.000	11.750.000.000
▪ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk (ii)	VND	8,6%	2021	9.643.337.646	12.859.306.459
				18.455.837.646	24.609.306.459
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(18.455.837.646)	(24.609.306.459)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				-	-

(i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.625 triệu VND và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty.

(ii) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 26.000 triệu VND và được sử dụng để tài trợ vốn lưu động của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Khoản vay dài hạn từ Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 21.584 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 24.498 triệu VND) theo hợp đồng thế chấp số 261017/MQK/HDTB và 261017/MQK/HDTS ngày 26 tháng 10 năm 2017 (Thuyết minh 10). Ngày 28 tháng 4 năm 2020, Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk đã phê duyệt gia hạn thời gian đáo hạn của các khoản vay này, từ ngày 30 tháng 10 năm 2020 sang ngày 30 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định số 338/TB-ĐLA-KHBL.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	2.770.773.797	2.652.858.611
Trích lập trong năm từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 22)	30.086.790.000	14.195.077.642
Tăng khác	566.210.000	316.415.000
Sử dụng trong năm	(26.650.266.064)	(14.393.577.456)
Số dư cuối năm	6.773.507.733	2.770.773.797

21. Dự phòng phải trả dài hạn

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Dự phòng khác (*) VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.569.168.525	8.415.301.101	17.984.469.626
Dự phòng trích lập trong năm	540.024.913	-	540.024.913
Dự phòng sử dụng trong năm	(123.832.375)	-	(123.832.375)
Số dư cuối năm	9.985.361.063	8.415.301.101	18.400.662.164

(*) Dự phòng khác phản ánh dự phòng cho phạt chậm nộp thuế tiêu thụ đặc biệt từ năm 2011 đến 2012 theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH ngày 2 tháng 6 năm 2014.

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	298.466.480.000	12.234.693	57.457.657.413	87.382.525.162	443.318.897.268
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	207.043.200.667	207.043.200.667
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.000.277.123	(7.000.277.123)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(14.195.077.642)	(14.195.077.642)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(164.156.564.000)	(164.156.564.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	298.466.480.000	12.234.693	64.457.934.536	109.073.807.064	472.010.456.293
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	158.813.094.601	158.813.094.601
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.352.160.033	(10.352.160.033)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	(30.086.790.000)	(30.086.790.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(1.035.216.003)	(1.035.216.003)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(104.463.268.000)	(104.463.268.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	298.466.480.000	12.234.693	74.810.094.569	121.949.467.629	495.238.276.891

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020 Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	298.466.480.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Nhóm Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 5 tháng 6 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND (tương đương 3.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 119.387 triệu VND, tương đương 4.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 10 năm 2020 và ngày 9 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông lần lượt là 74.617 triệu VND (tương đương 2.500/cổ phiếu) và 29.846 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu), từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 (2019: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 104.463 triệu VND, tương đương 3.500 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-DHCD ngày 5 tháng 6 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích 10.352 triệu VND vào quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 7.000 triệu VND).

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

Thuê	Thời hạn thuê	Ngày hết hạn thông báo thuê	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Lô đất 1	31-1-2058	31-12-2025	3.714.781.014	646.048.872
Lô đất 2	31-1-2058	30-1-2023	3.917.289.600	5.797.588.608
Lô đất 3	31-12-2048	31-12-2021	579.681.347	584.882.523
Lô đất 4	31-12-2048	31-12-2021	231.977.137	234.060.335
Lô đất 5	31-12-2048	31-12-2021	1.256.839.432	1.268.210.412
Lô đất 6	31-12-2048	31-12-2021	332.515.246	335.496.982
Lô đất 7	10-10-2036	30-6-2021	45.538.943	129.027.004
Lô đất 8	10-10-2036	9-10-2021	70.804.800	165.211.200
Lô đất 9	10-10-2036	5-3-2025	1.210.944.000	24.104.640
Lô đất 10	10-10-2036	30-6-2021	353.603.811	1.001.877.465
Lô đất 11	10-10-2036	30-6-2021	113.171.040	320.651.280
Lô đất 12	31-12-2048	31-12-2021	29.808.720	489.844.833
Văn phòng 1	31-12-2020	31-12-2021	12.000.000	12.000.000
Văn phòng và kho	31-12-2020	31-12-2021	72.000.000	-
Ô tô và xe tải	31-12-2020	31-12-2021	240.000.000	-
			12.180.955.090	11.009.004.154

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	94	2.179.005	324	8.238.133
EUR	572	15.988.579	369	9.400.071
		18.167.584		17.638.204

(c) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	Đơn vị	31/12/2020	1/1/2020
Bia Lowen 330	Két	115	5.322
Bia Sài Gòn 355	Két	290	290

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.145.061.992.179	1.492.488.783.309
▪ Cung cấp dịch vụ	43.817.088.050	13.249.709.560
▪ Doanh thu khác	18.285.910.631	19.999.024.091
	1.207.164.990.860	1.525.737.516.960
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	15.893.182	1.063.591.285
	1.207.149.097.678	1.524.673.925.675

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	884.824.439.057	1.161.522.696.458
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.640.200.465	4.098.854.304
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	642.958.526	-
▪ Giá vốn khác	2.781.536.802	4.115.803.429
	895.889.134.850	1.169.737.354.191

29. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	7.565.393.697	6.638.576.574
Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	10.134.763.895	7.967.597.641
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	1.683.499.616	3.419.105.684
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.150.214.012	16.337.792.884
Chi phí bán hàng khác	11.641.565.980	6.690.115.774
	51.175.437.200	41.053.188.557

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	33.204.075.988	31.135.786.217
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.402.854.786	4.362.674.705
Chi phí thuê	5.002.858.679	4.683.951.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.478.148.819	6.124.236.407
Chi phí quản lý khác	21.205.877.926	25.120.080.847
	67.293.816.198	71.426.729.220

31. Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Cung cấp dịch vụ bảo hành và sửa chữa	2.630.334.548	13.009.549.102
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	2.025.871.820	9.919.996.364
Thu nhập khác	6.063.020.664	7.897.131.260
	10.719.227.032	30.826.676.726

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí khác

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Giá vốn dịch vụ bảo hành và sửa chữa đã cung cấp	1.118.743.430	4.488.999.072
Giá vốn dịch vụ vận chuyển đã cung cấp	383.974.133	1.696.049.730
Chi phí khác	2.880.442.257	4.404.963.457
	4.383.159.820	10.590.012.259

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND (Phân loại lại)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	694.269.294.618	976.833.204.106
Chi phí nhân công và nhân viên	104.333.512.585	96.360.188.788
Chi phí khấu hao và phân bổ	80.145.380.691	90.590.757.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.427.528.004	89.760.210.312
Chi phí khác	56.052.548.735	61.021.465.476

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	40.486.984.318	52.231.499.312
Dự phòng thiếu trong những năm trước	10.343.333	58.910.190
	40.497.327.651	52.290.409.502
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(74.992.915)	(239.512.557)
	40.422.334.736	52.050.896.945

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	199.235.429.337	259.094.097.612
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	39.847.085.867	51.818.819.522
Chi phí không được khấu trừ thuế	601.059.436	209.321.133
Dự phòng thiếu trong những năm trước	10.343.333	58.910.190
Thu nhập không bị tính thuế	(36.153.900)	(36.153.900)
	40.422.334.736	52.050.896.945

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung và công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	158.813.094.601	207.043.200.667
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(30.086.790.000)	(14.195.077.642)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	128.726.304.601	192.848.123.025

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 29.846.648 cổ phiếu.

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	**2019 VND**
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần In – Thương mại Phú Yên		
Mua công cụ và dụng cụ	9.715.970.000	6.742.520.000
Cổ tức được chia	180.769.500	180.769.500
Chi phí lãi vay	91.748.000	91.748.000
Các bên liên quan khác		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	691.556.641.799	1.109.875.748.293
Bán khác	911.361.500	-
Mua nguyên vật liệu	375.408.156.311	654.379.394.488
Cổ tức	33.660.770.500	38.469.452.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua công cụ và dụng cụ	1.879.137.200	-
Chi phí thay thế vỏ chai	720.780.000	5.135.235.864
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên		
Cung cấp dịch vụ	714.502.443	462.952.102
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao	8.505.406.356	8.694.612.095

37. Thông tin so sánh

Ngoài một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại, các thông rin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2019 VND (phân loại lại)	**2019 VND (theo báo cáo trước đây)**
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.525.737.516.960	1.505.258.492.869
Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp	1.169.737.354.191	1.166.915.744.901
Thu nhập khác	30.826.676.726	52.599.894.956
Chi phí khác	10.590.012.259	14.705.815.688

Ngày 22 tháng 2 năm 2021

Người lập:	Người kiểm tra:	Người duyệt:
Nguyễn Thành Nguyên	Vũ Tuấn Anh	Huỳnh Văn Dũng
Phó phòng Tài chính – Kế toán	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

BIA SAIGON
SAIGON-MIENTRUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG

Đắk Lắk, ngày 14 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG
M.S.D.N: 4100739909 - C.T.C.P
TP. BUÔN MA THUỘT - T. ĐẮK LẮK

TỔNG GIÁM ĐỐC

HUỲNH VĂN DŨNG